

SỐ 1830

# THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

Soạn giả: Sa-môn Khuy Cơ

## QUYỂN 8 (PHẦN ĐẦU)

**Luận:** “Như vậy bốn duyên”, đến “mười lăm xứ mà lập”.

Thuật rằng: Ngay trong phần đáp về duyên có hai phần. Từ trên đến đây phân rõ bốn thứ duyên năng sinh phân biệt đã xong. Từ đây trở xuống các Thừa phân rõ duyên nương vào xứ mà kiến lập mười nhân, trong đây có ba phần:

1. Như vậy bốn duyên nương vào mười lăm xứ để hiển bốn duyên trước nương vào mười lăm xứ, nói làm mười nhân. Hỏi để phát khởi văn sau.

2. Chánh đáp.

3. Tổng kết các luận xong mới nên phân rõ chánh luận.

Đây là phần đầu. Hiển bốn duyên nhiếp tận các pháp, nghĩa lập riêng nữa. Dưới đây trong đáp có bốn phần:

1. Thuyết minh nương vào mười lăm xứ lập mười nhân của nó.

2. Phân rõ mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau.

3. Thuyết minh bốn duyên nương xứ mà kiến lập, cùng với mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau.

4. Thuyết minh bốn y xứ mà đắc quả nhiều ít.

Lại nữa, giải thích hiện tại luận này nêu tông, nói nghĩa của bốn duyên riêng nương mười lăm xứ mà lập thành mười nhân. Từ đây trở

xuống trong phần giải thích, phần đầu nói nương mười lăm xứ lập mười nhân, phần kế nói bốn duyên nương xứ nào mà lập, sau cùng là phân rõ đặc quả. Mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau của nó, chỉ là các nghĩa khác của mười nhân trong Nhân Minh, cho nên không phải là môn khác.

**Luận:** “Một là Y xứ của ngữ”, đến “chỗ khởi tánh của ngữ”.

Thuật rằng: Nêu ra thể của y xứ. Nói y xứ là không phải cùng với nhân khác thể, ngữ tức là y xứ, là Trì nghiệp thích. Các y xứ dưới đều là như vậy, cùng với nhân một thể. Nhưng y là nghĩa của ư, đều là Chuyển thanh thứ bảy, tức là trên thể của ngữ mà lập tùy nói nghĩa của nhân. Như Đại luận quyển 5, quyển 38, luận Hiển Dương quyển 18, luận Đối Pháp quyển 4 và luận Trung Biên đều phân rõ các nhân này. Nhưng Đại luận quyển 38 chỉ có ba chủng mười nhân và thể của năm quả không có y xứ nhiếp. Luận Đối Pháp chỉ có tên của mười nhân, cũng không phải xong hết. Luận Hiển Dương quyển 18 phần đầu có mười nhân, phần sau phân rõ y xứ của nhân. Đại luận quyển 5 phân rõ y xứ của nhân, không thuyết minh riêng về nhân. Quyển 38 và luận Hiển Dương ghi: “Tùy theo tên của tất cả pháp mà làm trước cho nên tướng, tướng làm trước cho nên nói, tức là Tùy thuyết nhân của các pháp kia”. Thể văn của luận đó tựa như nắm lấy trùm cả ba pháp danh, tướng và ngữ của tất cả pháp làm thể của nhân. Nhưng hiện tại luận này văn chánh giải ý đó, chỉ nắm lấy pháp, danh và tướng ba thứ, chỗ khởi ngữ là thể của nhân này. Tại sao vậy? Vì chỉ nói y ngữ và y xứ mà lập nhân này, chỉ có ngữ làm tự tánh. Nếu không như thế thì đáng lẽ nói y danh, y tướng, y thuyết và y xứ mà lập nhân này. Trong đây là lấy các pháp làm quả, lấy danh, tướng và thuyết làm nhân sở y. Ngôn thuyết chính là trùm khắp các nhân của pháp, ngôn thuyết là tánh của ngữ. Tổng nói ngữ tánh tức là thông với ba tánh của ngữ nghiệp làm thể, chỉ có Phật là thiện, ngoài ra đều là Vô ký. Nhưng có sự biểu thị cho nên ngữ có thể nói là thiện và ác. Nhưng thật ra hai tánh đó, danh tuy là sai biệt của ngữ, vì có biểu thị cho nên không giống như ngữ của nó, ngữ là tánh của nghiệp, trừ Phật ra, đều gọi là Vô ký. Hoặc có thể, Đại thừa lia âm thanh thì không có tự thể, cho nên danh tức là thông với ba tánh. Chỉ lấy ba tướng và đặc làm ví dụ để vấn nạn đồng với sở y. Không thể nói tướng là cộng hữu nhân, không đồng với danh. Nghĩa cộng hữu nhân của Đại thừa đều thông với đây.

**Luận:** “Tức là y vào xứ này mà lập Tùy thuyết nhân”.

Thuật rằng: Đây là hiển thuyết nhân y và ngữ mà lập, không phải

khác thể, y thể mà lập nghĩa.

**Luận:** “Là nương vào ngữ này”, đến “nói các nghĩa”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghĩa y ngữ lập thuyết nhân. Nói trùm khắp tất cả pháp, khởi lên danh để nắm lấy tướng trạng, mới có ngôn thuyết khởi, tức là nương vào ngữ này và tùy theo sau kiến văn giác tri, hoặc tùy theo chỗ thấy các sự mà nói các nghĩa, y theo ngữ này mà lập nhân.

**Luận:** “Đây là năng thuyết làm sở thuyết nhân”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghĩa của nhân. Đối với cái gì để làm nhân? Đây là ngữ năng thuyết, làm nhân sở thuyết của tất cả pháp. Các sư xưa nói: “Tất cả pháp đều là thể của nhân này”, là không đúng. Nếu như thế thì lấy ngôn ngữ làm quả thì kiến và văn của nó như quyển 93 và luận Đối Pháp quyển 1 và các tổng hợp Xu Yếu giải thích. Tùy có nghĩa là tùy theo dần dần, tức là tùy theo các sự thấy nghe mà khởi ngôn thuyết. Đại luận đều đồng văn này. Nhưng quả của Hữu lậu, Vô ký và Tùy thuyết nhân, đều thông với tất cả pháp Hữu vi, Vô vi và Hữu lậu, Vô lậu, là nghĩa Trì nghiệp thích, vì Vô ký tức là nhân. Đã lấy Vô ký làm quả, trùm khắp các thuyết của Vô ký, sự thì thuyết và Vô ký làm nhân, tức là Y sĩ thích. Nếu giải thích trước là nhân chỉ có Hữu lậu và Vô ký thì giải thích sau là nhân thông với Hữu lậu và Vô lậu chỗ nhiếp của ba tánh. Nhiễm và tịnh của nó thì nhân này cứ theo đây có thể hiểu.

**Luận:** “Có luận nói nhân này”, đến “tùy theo khởi nói”.

Thuật rằng: Các tổng hợp này trái nhau, là danh, tướng và kiến. Trong Tập luận nói, do như danh là văn giải thích của luận kia. Nhân danh, tướng và kiến ba pháp này lấy làm tự thể. Nói tướng và kiến hai pháp giống như năng thuyết danh tự mà nắm lấy cảnh tướng, và hưng khởi sự chấp trước. Tướng có thể nắm lấy tướng chấp trước do kiến, tức là lấy ba pháp làm nhân, chỗ sinh thuyết là quả của nó.

**Luận:** “Hoặc y theo đó mà nói”, đến “là ngữ nương xứ”.

Thuật rằng: Nếu y theo văn kia thì tánh là ba pháp, ba pháp cùng với ngữ làm y xứ gọi là ngữ y xứ, là y xứ của ngữ, cũng là Y sĩ thích. Nếu y theo giải thích này, tức là hiển nhân của danh, tướng và kiến này là y xứ của ngữ, vì ba pháp làm thể của nhân.

Hỏi: Tại sao lấy hai luận trái nhau?

Đáp: Ý của hai luận khác nhau, luận tuy không có đúng lúc, ý này giải thích rằng: “Như Đại luận nói, lấy tất cả pháp làm quả, lấy thuyết làm nhân, phỏng theo sở thuyết là quả của năng thuyết, tức là

hai thuyên năng và sở giải thích về nhân quả. Luận Đối Pháp của Vô Trước lấy sự sinh khởi làm nhân quả, tức là y theo danh, tướng và kiến mà khởi ngôn thuyết cũng không trái nhau, vì mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, cho nên luận Đối Pháp ghi: “Tùy thuyết năng tác”. Tùy thuyết, là tùy theo ngữ. Năng tác của tùy thuyết là danh, tướng và kiến. Lại nữa, Đại luận phỏng theo sự quán thông thuyên cảnh của các pháp lấy thuyết làm nhân. Luận Đối Pháp chỉ y theo nhiệm phần tương sinh lấy thuyết làm quả, không có lỗi tương vi.

**Luận:** “Hai là Lãnh thọ y xứ”, đến “tánh của năng thọ và sở thọ”.

Thuật rằng: Quán là đối diện. Đãi là trông chờ, tức là nhân này thông với năng thọ và sở thọ. Nhưng chỗ tạm nương nhờ thọ của năng và sở mới là nói sơ qua chỗ không hợp. Nhưng có người nói chỉ có ba thọ làm thể là không đúng. Cũng như chờ ăn mà cầu cho ăn, tức là lấy sự chờ ăn mà làm nhân của dục. Hoặc chờ tình của dục mới cầu ẩm thực, lấy thọ làm nhân của thực. Nhưng lãnh thọ xứ thông với năng thọ và sở thọ, không thể nói là dục, vì dục không khắp, không phải tánh của thọ, tức là quán nơi tùy này là năng thọ và sở thọ, lãnh thọ quả của năng thọ và sở thọ kia, hoặc sinh trụ thành đắc. Chỗ chờ này cùng với chỗ sinh làm nhân, nhưng Đại luận đều ghi: “Đãi, đây hoặc là cầu hoặc là lấy, tức là chỗ chờ thọ làm nhân của sở cầu”. Quyển 38 ghi: “Quán đãi đủ, cho nên đủ để làm nhân, do đó nghiệp vãng lai, chưa cần phải lấy thọ làm nhân, vì sở đãi không phải thọ”. Lại nữa, luận này ghi: “Vì thông với sở thọ”. Nhưng sở đãi này, hoặc năng thọ hay sở thọ đều là nhân này nhiếp. Có chỗ lấy năng thọ làm nhân, năng thọ làm quả, như chờ khổ làm lạc; có chỗ lấy năng thọ làm nhân, sở thọ làm quả; có chỗ lấy sở thọ làm nhân, sở thọ làm quả; có chỗ lấy sở thọ làm nhân, năng thọ làm quả; đó là bốn câu riêng biệt. Chỗ lãnh thọ pháp cũng gọi là lãnh thọ. Hiện tại luận này đối với năng thọ, chỉ lấy thọ tâm sở, một là thường khắp các tâm, hai là năm phần vị riêng khác. Các pháp của biệt cảnh không thường khắp các tâm, bốn pháp tác ý, thọ, tướng và tư không có năm phần vị, xúc tuy có như thế nhưng đối với sở thọ không phải lãnh thọ thuộc chính mình, không giống như đối với thọ, cho nên không chọn lấy. Trong sở thọ của nó thông với tất cả pháp, chỉ trừ pháp của chủng tử nhân duyên, vì nhân này xa, chỉ có xa đối đãi nhau mới là nhân này. Nếu không như thế thì dưới đây đáng lẽ nói đắc quả Đăng lưu, vì không đắc, chỉ có xa tương đãi là đắc, tức là cận sở đắc, đều thuộc về dẫn phát và khiên dẫn.

Hỏi: Tại sao nói nhân duyên là thuộc về khiên dẫn và sinh khởi cũng là định khác nhiếp? Nói nhân của quán đãi là quán đãi, lại là thuộc về khiên dẫn, cuối cùng có lỗi gì?

Đáp: Không đúng. Vì danh xa, gọi quán đãi tức là không phải gần, nhân của định dị gọi là tương thông. Lại nữa, hoặc giải thích tương đãi gần cũng là nhân này. Dưới đây trong quả chỉ căn cứ theo gần xa, không nói đặc quả Đăng lưu, giải thích này là thù thắng. Lại nữa, giải thích quán đãi tình dục, là có nghĩa quán xét, chủ yếu cảnh chờ tình. Tình chờ cảnh mới là tánh của năng thọ và sở thọ, vì chúng tử mong mầm, không phải năng và sở của tình quán đãi, cho nên không phải nhân này.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nói đủ để làm nhân, do đó có nghiệp vãng lai?

Đáp: Cũng là chỗ chờ của nội pháp tình, nhân duyên, pháp của mầm không phải chỗ chờ của tình, vì thời gian chỗ chờ của tình không phải nhân duyên. Trước nói chánh nghĩa, đã ở trong sở thọ lấy sở đãi làm nhân, mầm chờ ở chủng cũng có thể là nhân này. Lại còn nhân của Vô ký, hoặc Vô ký tức là nhân chỉ có Hữu lậu. Quả tánh của Vô ký thông với các pháp của lậu, Vô lậu và ba tánh, hoặc quả là Vô ký, cùng với Vô ký làm nhân, tức là nhân thông với ba tánh, lậu và Vô lậu, quả chỉ có Vô ký. Ngoài ra các nhiễm đều căn cứ theo đây mà biết.

**Luận:** “Đã nương vào xứ này mà lập nhân của quán đãi”.

Thuật rằng: Đây là hiển nương vào y xứ mà lập nhân.

**Luận:** “Nói rằng quán đãi ở đây”, đến “nhân quán đãi của nó”.

Thuật rằng: Ý thế của Đại luận cùng với đây đồng. Đây là hiển nhân quả của quán đãi đối với bốn xứ chuyển, chỉ trừ cận nhân duyên.

**Luận:** “Ba là Tập khí y xứ”, đến “tự quả xa”.

Thuật rằng: Nói rằng nội ngoại chủng ở giai vị chưa thành thực, là nói tất cả chủng tử Hữu lậu Vô lậu, chủng tử nội ngoại, chưa làm chỗ thấm nhuần của lực thiện hữu, làm chỗ thấm nhuần của tham ái, làm chỗ thấm nhuần của nước đất, đều gọi là tập khí y, vì khi chưa làm thấm nhuần thì chỉ có thể khiên dẫn tự quả xa. Không hỏi tánh đồng dị tương xứng cho nên gọi là tự quả. Lại còn trong tịnh nhân, cùng với pháp năng chứng thanh tịnh Niết-bàn làm nhân xa. Không thấy Đại luận nói nhân này chứng đắc Niết-bàn làm thanh tịnh nhân thì liền cho quả này là pháp Vô vi, Vô vi thì xa, không phải nhân sinh, vì luận không nói đặc Ly hệ quả. Hiện tại nhân này gần, nhân quả của ba tánh này tùy theo tánh của nhân, nhân duyên gần sinh tăng thượng sinh, có thể dẫn quả Đăng lưu và tăng thượng quả. Hoặc trong nhiễm nhân cũng cùng với dị

tánh của quả là Dị thực nhân, quả chỉ có Vô ký, nhân thì thông thiện ác; nếu Vô lậu tức là nhân thì quả chỉ có Vô lậu; thiện và Bất thiện là nhân thì quả thông ba tánh; hoặc nhân của Vô ký thì nhân thông ba tánh, quả chỉ có Vô ký, như lý nên tư duy. Đại luận đều đồng.

**Luận:** “Bốn là có Nhuận chủng tử y xứ”, đến “tự quả gần”.

Thuật rằng: Tức là chủng tử trước làm lực thiện hữu đã nhuận trở đi gọi là hữu nhuận y, vì có thể sinh khởi quả gần, như tịnh nhân cùng với cận Bồ-đề làm nhân duyên. Trong đây cùng với chỗ nhuận trước và chỗ chứa nhuận khác nhau, lại không có riêng thể, quả tánh đều đồng như trước, Đại luận cũng đồng.

**Luận:** “Năm là Vô gián diệt y xứ”, đến “Đẳng vô gián duyên”.

Thuật rằng: Tức là Đẳng vô gián duyên của tâm pháp tâm sở, vì tâm pháp tâm sở làm quả. Duyên này đã phân rõ như trước, còn nhân thì tùy tánh quả nào thông ba tánh? Mỗi mỗi đều chỉ có tự thức, chỉ lấy tâm tâm sở làm thể.

**Luận:** “Sáu là Cảnh giới y xứ”, đến “Sở duyên duyên”.

Thuật rằng: Thể thông với tất cả pháp, thể chỉ có tâm và tâm sở, Hữu lậu và Vô lậu đều thông với nhân quả. Hoặc lấy vị lai làm nhân, quả thì không phải hiện tại, không phải nhân trước mà quả sau. Hiện tại luận này cũng như thế. Nghĩa của Tướng phần hiện tại tương tự vị lai mà không thật vị lai, cho nên Sở duyên duyên không nơi nào mà không có quả. Ở đây quyển 38 nói Đẳng vô gián duyên này và Sở duyên duyên chỉ mong tất cả tâm và tâm sở.

**Luận:** “Bảy là Căn y xứ”, đến “sáu căn của sở y”.

Thuật rằng: Thể là sáu căn, thông với tám thức. Năm căn làm thể thì quả chỉ là tâm và tâm sở. Quả tánh của ba quả trước đều đồng, nhân thì căn cứ theo đây có thể biết. Nhưng Vô gián duyên là thời hiện tại làm duyên, không phải tại thời quá khứ, vì quá khứ không có, tức là hiện tại có lực dụng, có thể khai dẫn pháp khiến cho vị lai sinh, nhập vào thời quá khứ thì dụng của nó mới hiển, vì quả hiện tiền, xứ sở đều không.

**Luận:** “Tám là Tác dụng y xứ”, đến “ngoài ra còn trợ duyên hiện tại”.

Thuật rằng: Đối với tác dụng của sở tác nghiệp và tác cụ, như lưỡi búa có tác dụng chặt đứt, tức là trừ chủng tử ra còn trợ cho duyên hiện tại, tức là trừ nội ngoại chủng tử sinh hiện hành, chủng sinh chủng, hiện sinh chủng và trợ duyên gần ra thì tất cả pháp còn lại đều là trợ duyên xa.

**Luận:** “Chín là Sĩ dụng y xứ”, đến “ngoài ra còn làm duyên hiện tại”.

Thuật rằng: Đối với tác dụng của sở tác nghiệp và năng tác giả, tức là nắm lấy Sĩ dụng cận trợ duyên của chánh tác trong chỗ trừ ra ở trước thì quả của nó rộng hẹp đồng như tác dụng trước. Vì tác dụng và sĩ dụng thì phải đồng với sở tác, không nắm lấy gần, vì không phải nhân duyên. Hai quả này thông với ba tánh của lậu và Vô lậu, nhân cũng như thế. Nhưng hai quả này cùng với năm Vô ký trước là nhân, trừ Vô gián duyên và căn y xứ ra, còn lại là y xứ quả thông với lậu và Vô lậu. Hai quả đó chỉ có Hữu lậu, vì hai nhân Hữu lậu là Vô ký không sinh Vô lậu. Đây là nương vào sáu thức mà tác pháp. Nếu Thức thứ bảy và Thức thứ tám là Vô gián duyên thì Vô ký tức là nhân, quả thì thông Vô lậu, trong bảy Hữu lậu căn, có sáu Vô lậu cùng với Vô ký làm nhân. Trừ Vô gián duyên và căn ra, còn lại là nhân thông với ba tánh của lậu và Vô lậu. Đây là nương vào sáu thức mà làm luận. Nếu nương vào Vô lậu của Thức thứ bảy thì Vô gián Hữu lậu có thể sinh, là nhân của Vô ký, nhân Vô gián duyên của nó cũng thông với Vô lậu. Trong căn đáng lẽ phân riêng, sắc căn và ý căn mỗi mỗi đều khác nhau, nhưng Sĩ dụng và tác dụng trong đây, chỉ phỏng theo Sĩ phu dụng của hữu tình mà nói, cho nên dưới đây nói chỉ đặc quả Sĩ dụng, không nói đặc các quả Ly hệ. Hiện tại luận này cũng nắm lấy chung, không phải chỉ có bên trong của hữu tình. Nhưng tác dụng và Sĩ dụng đều là Chuyển thành thứ ba. Tiếng Phạm là Yết-thích-noa là tác cụ tác dụng, Yết-thích-đa là sĩ phu tác dụng, cho nên cả hai thứ đều riêng khác. Nhưng Đại luận quyển 28 ghi: “Chỉ trừ chủng tử ra, chỗ còn lại là các duyên gọi là nhiếp thọ”. Hai thứ này là trợ thành nhiếp thọ, cho nên trừ nhân duyên ra, như nhân thức sinh thì lấy nhân căn và chủng tử làm Sĩ dụng y, vì Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên làm tác dụng y, vì căn có gần chút ít. Đây là phỏng theo pháp làm Sĩ dụng mà nói. Nếu mượn nhân làm Sĩ dụng thì không phải ở nơi pháp, cứ theo đây nên biết. Nhân mong lúa mầm thì người làm Sĩ dụng, đất nước làm tác dụng, vì tác dụng xa hơn công của nhân.

Nếu nương vào luận Du-già quyển 38 trong Vô ký nhân thì đều có Sĩ dụng, đều lấy đất nước làm Sĩ dụng, mặt trời và cày bừa làm tác dụng.

**Luận:** “Mười là Chân thật kiến y xứ”, đến “năng trợ dẫn chứng”.

Thuật rằng: Nói rằng tất cả Vô lậu kiến cùng với tất cả Vô vi và pháp Hữu vi làm nhân, trừ kiến nhân quả tự huân thành chủng vì mong bên ngoài, còn lại đều là nhân này, vì nhân duyên dẫn phát là dẫn phát

trong nhân nhiếp, đối với Vô lậu Hữu vi câu sinh pháp có thể trợ giúp khiến cho đồng với sở tác, hoặc khiến cho tăng trưởng, có thể dẫn ở sau Hữu vi Vô lậu, pháp trước dẫn pháp sau. Năng chứng tức là cùng với Vô vi làm nhân. Đây là hiển thắng quả.

**Luận:** “Tổng y sáu pháp này”, đến “phân rõ Vô lậu”.

Thuật rằng: Sáu y xứ trước là thể của nhiếp thọ nhân, vì năm y xứ trước là sở nhiếp thọ xa, trở thành phân rõ các pháp Hữu lậu trong ba cõi. Hoặc sáu hợp sở nhiếp thọ xa phân rõ pháp Vô lậu, tức là y xứ thứ sáu không thông với Hữu lậu, trợ thành nhân duyên gọi là nhiếp thọ, cho nên trừ nhân duyên gần năng sinh pháp ra, do đó luận Đối Pháp ghi: “Nếu do nước và phân mong chủng tử sinh mầm thì chỉ có Tự chủng sinh”. Nhưng tăng thêm lực của nó thì gọi là nhiếp thọ nhân. Nhưng tùy theo chỗ thích đáng thì có năm hoặc có sáu y xứ, không phải các Hữu lậu pháp đều có đủ năm y xứ. Tâm và tâm sở sinh thì có đủ năm y xứ, nếu không phải tâm tâm sở thì liền không có y xứ. Trong đây năm y xứ trước thông với Vô ký nhân, một y xứ sau thì không phải. Tùy theo chỗ thích đáng ba tánh của nó nên suy nghĩ.

**Luận:** “Mười một là Tùy thuận y xứ”, đến “pháp Vô vi”.

Thuật rằng: Nói rằng ba tánh pháp thông với Vô lậu. Các hành của chủng tử hiện tại có thể tùy thuận với các pháp đồng loại thắng phẩm. Hai chữ “đồng loại” là lựa riêng với dị loại làm nhân, chỉ mong tự tánh. Nhưng hai chữ “thắng phẩm” là lựa riêng với tự đồng loại và các phẩm dưới làm nhân. Đại luận quyển 5 ghi: “Vô ký cùng với thiện và nhiễm làm nhân”, là trong bản thức mỗi mỗi đều riêng khác với tự chủng, nhưng mong hiện hành cũng là tánh đồng, tức là cũng cùng với Niết-bàn làm nhân. Hiện hành dẫn hiện hành, chủng tử dẫn chủng tử đều là nhân này. Ở đây lấy tánh luận thì hẹp, lấy cõi luận thì rộng, tùy chỗ thích đáng của nó. Luận Hiển Dương ghi: “Pháp của cõi Dục cùng với ba cõi Vô lậu làm nhân”. Cõi Sắc cùng với cõi Sắc, cõi Vô sắc và pháp Vô lậu làm nhân. Cõi Vô sắc cùng với cõi Vô sắc và Vô lậu làm nhân. Vô lậu cùng với Vô lậu làm nhân, mà không nói cùng với các pháp của cõi dưới làm nhân. Quả mong tự loại thì tánh của nó phải đồng, cõi trói buộc thì có khác.

**Luận:** “Mười hai là Sai biệt công năng y xứ”, đến “quả tự thừa”.

Thuật rằng: Ở đây chỉ có tự tánh, nếu tha tánh chỉ có tương xứng, là thiện nghiệp quyết định dẫn thức thứ tám của trời người không phải đường ác, vì tương xứng, cho nên không phải biệt tánh không tương xứng làm nhân, nghĩa là tự giới pháp cùng với tự giới làm nhân. Trong



tự giới, tự tánh cùng với tự tánh làm nhân. Trong tự tánh, sắc với sắc làm nhân. Trong sắc, nội sắc với ngoại sắc làm nhân. Trong nội sắc, trường dưỡng cùng với trường dưỡng làm nhân, tất cả như vậy cùng với tự thừa chủng tử mong tự thừa Hữu vi Vô vi quả cũng như thế, tức là tịnh nhân. Lấy cõi mà luận thì hẹp, lấy tánh mà luận thì rộng, đại luận đều đồng. Quả thì dễ, cho nên không nói, nghĩa là đối với Hữu vi nhân có thể khởi quả, hoặc đối với Vô vi nhân có thể chứng quả đó. Thế lực sai biệt tự tánh tương xứng, gọi là định; vì bất cộng tha, cho nên gọi là dị.

**Luận:** “Mười ba là Hòa hợp y xứ”, đến “một sự nghiệp”.

Thuật rằng: Lấy sáu nhân trước làm tánh, không lấy ngôn thuyết, vì xa. Ngôn thuyết cùng với pháp không hòa hợp nhau, vì tư thế ở xa cho nên không nắm lấy làm tánh. Nhân đã ở phía trước thì quả của nó cũng như vậy. Đối với sinh các quả thì phỏng theo nhất sự nghiệp, nhân thông với lậu và Vô lậu. Một cứ theo trước.

**Luận:** “Mười bốn là Chương ngại y xứ”, đến “sinh các sự”.

Thuật rằng: Trong tương vi và bất tương vi này, nhân thông với lậu và Vô lậu, quả cũng như thế, khiến cho Hữu vi Vô lậu không sinh, vì Vô vi không hiển. Nhưng lãnh thọ và ba nhân sau này đồng với luận Du-già quyển 5, đều nói đối với các quả sinh, trụ... không nói các nhân còn lại là các nhân hẹp khác. Bốn nhân rộng này, nhưng Đại luận và luận Hiển Dương thì chỉ có ba nhân sau, có đối với một quả của sinh mà nói, trong quán đãi thì không có, quán đãi trong đây thì rộng. Luận kia thì chỉ có mong tình dục mà tác pháp, vì tánh của nó hẹp. Quyển 38 chỉ nương vào sinh để thuyết minh chương ngại, vì căn cứ theo hiển hiện thù thắng. Trong sáu tương vi, chỉ có thù thắng này cũng không có lỗi tương vi. Trong đây, Vô ký, nhiễm và thiện cứ theo đó nên biết. Diệt tướng của Đại thừa tuy không chờ nhân, tương vi nhân cùng với các pháp sau làm sinh nhân, trái nhau với các pháp trước, gọi là tương vi nhân.

**Luận:** “Mười lăm là Bất chương ngại y xứ”, đến “sinh các sự”.

Thuật rằng: Ngược lại đối với chương ngại y xứ trên, tướng của nó có thể biết.

**Luận:** “Như vậy mười nhân”, đến “phương tiện nhân nhiếp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai, trong hai nhân nhiếp nhau, có hai sự giải thích khác nhau. Sự thứ nhất có hai phần:

1. Dẫn Bồ-tát địa.
2. Dẫn văn có Tâm tứ địa.

Trong dẫn Bồ-tát địa có ba phần:

1. Dẫn văn.
2. Chánh giải thích.
3. Lập lý.

Dẫn văn đã nói xong. Năng sinh nhân thì gần, phương tiện nhân thì xa. Sư thứ nhất giải thích rất khác với người xưa, sư thứ hai thì đồng.

**Luận:** “Đây là nói khiên dẫn”, đến “gọi là sinh khởi chủng”.

Thuật rằng: Dưới đây là chánh giải thích. Phần đầu giải thích năng sinh, phần sau giải thích phương tiện. Nói Bồ-tát địa là nói khiên dẫn nhân, trừ tập khí của nghiệp và ngoài Vô ký nhân ra thì trong sinh khởi nhân cũng như thế. Cũng trừ các nghiệp ra, vì nó không phải nhân duyên.

Hỏi: Tại sao biết được trong sinh khởi nhân có nghiệp chủng. Văn của luận hai chỗ đều nói nhân này là năng sinh nhân, không nói có Tăng thượng duyên?

Đáp: Điều đó không đúng. Hiện tại luận này cũng có văn, là văn của Đại luận quyển 10.

Hỏi: Nếu các chi mong nhau không có nhân duyên thì tại sao nói rằng y nhân duyên mà lập mười hai chi?

Đáp: Nương vào chỗ nhiếp của Tăng thượng duyên thì ba nhân khiên dẫn, sinh khởi và dẫn phát mà nói không phải có nhân duyên, cho nên biết trong sinh khởi này cũng có phi nhân duyên chủng.

Hỏi: Lại nữa, cứ theo lý, nếu chủng chưa nhuần mà đã có nghiệp thì cũng ở trong khiên dẫn, tại sao đã nhuần nghiệp chủng mà không phải sinh khởi nhân?

Đáp: Lại nữa, Bồ-tát địa, ai cho rằng luận kia nói sinh khởi nhân là nhân này. Như đoạn văn này, dẫn phát nhân của nó nắm lấy chủng dẫn tự chủng, chủng dẫn hiện hành làm nhân duyên, trừ ra hiện hành dẫn chủng và dẫn hiện hành, Dị tánh chủng và Niết-bàn, vì nó không phải nhân duyên. Cùng Dị thực tăng thượng, quả Đẳng lưu, cũng lấy hiện hành năng huân chủng tử trong dẫn phát làm nhân duyên, cũng là hai năng sinh nhân của dẫn phát nhiếp. Dưới đây có hai giải thích, đồng sự của nó thì Bất tương vi nhiếp, vì nhân trước làm tự thể, tức là hợp chung các nhân duyên chủng chưa nhuần trở về trước trong sáu nhân cũng chưa thành tựu đều gọi là khiên dẫn chủng, dẫn dắt tự quả xa, tức là toàn khiên dẫn nhân và bốn nhân ít phần. Trừ ra sinh khởi nhân, hoặc nhuần khắp trở đi đều gọi là đã thực tức là toàn sinh khởi nhân và bốn nhân ít phần. Trừ Khiên dẫn nhân ra, là sinh khởi nhân này, vì có thể sinh khởi quả gần. Làm sao biết?

**Luận:** “Trong sáu nhân đó”, đến “trong hai vị”.

Thuật rằng: Trong sáu nhân đều có nhân duyên chỗ nhiếp của năng sinh, hai chủng tử này đã là nhân duyên cho nên trong sáu nhân chỗ nào có nhân duyên đều là chỗ nhiếp của năng sinh này. Nếu không như thế thì nhiếp nhân duyên không khắp hết.

Hỏi: Đã như thế thì hiện hành huân thành chủng cũng là nhân duyên nắm lấy. Tại sao trong đây không nhiếp, cũng không phải hết lý?

**Luận:** “Tuy có hiện khởi”, đến “ở đây lược bỏ không nói”.

Thuật rằng: Câu hỏi đó không đúng. Trừ hai nhân khiên dẫn và năng khởi ra, vì hai nhân này chỉ có chủng tử. Như dẫn phát bốn nhân trong sáu nhân trước thì hiện hành năng sinh chủng làm nhân, vì nhiều gián đoạn không giống như tánh của chủng tử hằng tương tục. Đây là Bồ-tát địa, lược bỏ không nói. Ở đây đem chỗ chưa hết lý căn cứ theo một nghĩa để nói. Lại nữa, giải thích...

**Luận:** “Hoặc quả Cận biện”, đến “chủng tử của lúa thóc”.

Thuật rằng: Tức là hiện hành quả Cận biện này, cũng gọi là chủng sinh khởi chủng nhiếp, vì quả Cận sinh. Tại sao hiện hành cũng gọi là chủng? Trong đây có ví dụ, như mượn nói chủng của lúa thóc hiện hành, đó đã như thế thì đây cũng như thế. Trong sáu nhân này thì nhân nào là sở nhiếp? Bốn nhân khác nhiếp.

Từ trên đến đây giải thích năng sinh nhân nhiếp đã nói xong. Từ đây xuống thuyết minh ngoài các nhân khác còn có phương tiện nhân nhiếp.

**Luận:** “Các nhân khác”, đến “phương tiện nhân nhiếp”.

Thuật rằng: Nói rằng thứ nhất ngôn thuyết, thứ hai quán đãi, thứ năm nhiếp thọ, thứ chín toàn tương vi và trong sáu nhân không phải là nhân duyên pháp, đều là giai vị chưa nhuận sinh nói ở trước, giai vị đã nhuận thực là hai nhân chủng còn lại, tức là nói toàn bốn nhân này. Có sáu nhân ít phần làm phương tiện nhân. Phương tiện nhân này cũng có hai chủng là Đẳng vô gián và Sở duyên duyên. Hiện tại ngay trên một nhân mà tổng nói chỉ là Tăng thượng duyên. Không phải không có khác nhau chút ít, đến sau sẽ biết.

Từ trên đến đây đã nêu nhân để hiển số nhiếp nhau, từ đây xuống là nêu lý.

**Luận:** “Không phải hai chủng này”, đến “có nhân duyên chủng”.

Thuật rằng: Không phải hai chủng khiên dẫn và sinh khởi, chỉ

thuộc hoàn toàn hai nhân khiên dẫn và sinh khởi trong mười nhân kia. Tại sao vậy? Trong hai nhân này có Phi nhân duyên, nhiếp hết thì liền rộng, vì năng sinh là nhân duyên, ngoài ra trong bốn nhân dẫn phát có nhân duyên chủng, nếu nhiếp chỉ có hai hoặc không nhiếp thì liền hẹp.

**Luận:** “Không chỉ có tám nhân đó”, đến “không phải nhân duyên chủng”.

Thuật rằng: Không phải chỉ trừ sinh khởi và khiên dẫn ngoài tám nhân toàn đủ ra gọi là các nhân khác, tại sao? Trong bốn nhân, có nhân duyên nhiếp hết thì liền thành rộng, vì phương tiện nhân không phải nhân duyên. Trong hai nhân sinh khởi và khiên dẫn kia cũng có Phi nhân duyên chủng, gọi là nghiệp chủng. Nếu chỉ có tám nhân đó, chỗ còn lại không nhiếp thì liền trở thành hẹp, sau có Phi nhân duyên, vì phương tiện không nhiếp. Văn của Bồ-tát Địa cũng không phải hết lý, cho nên trong đều như tôi nói. Tổng hợp tiếp theo là văn Tâm tứ địa của quyển 5.

**Luận:** “Hữu tâm... địa”, đến “ngoài ra phương tiện nhiếp”.

Thuật rằng: Trong đó có ba phần:

1. Đoạn văn.
2. Chánh giải.
3. Lập lý.

Đây là đoạn văn kia. Hữu tâm... là đồng với Hữu tứ... tiếp theo sau là chánh giải.

**Luận:** “Văn này có ý nói”, đến “quả tự loại”.

Thuật rằng: Năng sinh nhân là nhân duyên, như chỗ nói trước. Trong sáu nhân hoặc hiện hoặc chủng, hoặc đã nhuận hoặc chưa nhuận, nhưng lẫn nhau làm nhân duyên, gọi là sinh khởi nhân, đều do năng sinh nhiếp. Hoặc hiện hoặc chủng khi nhuận hoặc chưa nhuận đều là năng sinh khởi quả tự loại. Vì quả tự loại cho nên nói hiển là nhân duyên chủng và hiện hành, lựa riêng với Phi nhân duyên chủng và hiện hành.

**Luận:** “Các nhân khác này đều thuộc về Phương tiện nhân”.

Thuật rằng: Vì phương tiện thì xa. Trong sáu nhân này ngoài nhân duyên chủng và toàn bốn nhân khác đều gọi là Phương tiện nhân, vì đồng với viễn thể. Làm sao biết?

**Luận:** “Không phải sinh khởi này”, đến “có nhân duyên chủng”.

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý. Không phải đoạn văn tâm và tứ này là sinh khởi nhân thuộc sinh thứ tư khởi nhân trong mười nhân. Nếu

chỉ có một sinh khởi nhân thì trong sinh khởi không phải nhân duyên pháp, nhiếp hết thì liền rộng. Lại nữa, tức là trong năm nhân của khiên dẫn kia, hoặc hiện hoặc chủng, vì có nhân duyên, không nhiếp thì liền hẹp.

**Luận:** “Không phải chỉ có chín nhân kia”, đến “có Phi nhân duyên”.

Thuật rằng: Không phải trừ sinh khởi nhân ra ngoài chín nhân kia mà gọi là các nhân khác. Nếu chỉ nắm lấy chín nhân thì trong chín nhân cũng có nhân duyên, vì phương tiện thì xa, nhiếp hết chín nhân thì liền rộng. Trong sinh khởi có Phi nhân duyên, phương tiện không nhiếp không hết thì cũng quá hẹp. Nếu nhân duyên chỉ nhiếp sinh khởi nhân, tức là nhiếp tăng thượng nghiệp chủng quá rộng. Nếu không nhiếp năm nhân duyên còn lại, năm nhân duyên không nhiếp hết thì quá hẹp. Nếu phương tiện định nhiếp chín nhân, tức là trong năm nhân có nhân duyên, cũng phương tiện nhiếp hết thì lỗi quá rộng, cho nên biết văn thế như chỗ giải thích của tôi. Ảnh tượng trong đây lược bỏ, chỉ vì nhiếp không hết. Quá hẹp làm giải thích, nhưng ảnh tượng thì nắm lấy rộng, đều căn cứ như trên mà biết.

Hỏi: Tại sao đem nhân duyên của Bồ-tát địa phân làm hai? Năng sinh nhân cũng gọi là khiên dẫn chủng, tuy có hai danh cũng nhiếp chưa hết hiện hành nhân duyên. Tầm tứ địa một sinh khởi nhân thì liền nhiếp hiện và chủng đều hết?

Đáp: Phóng theo nhuận và chưa nhuận, chỉ phóng theo chủng mà luận, cho nên phải phân làm hai. Năng khởi đối với quả thể là nhân duyên, không phân nhuận và chưa nhuận. Tầm tứ địa chỉ có một sinh khởi nhân, cũng không trái nghịch. Đây là sự phân rõ của sư thứ nhất đã nói xong.

**Luận:** “Hoặc Bồ-tát địa”, đến “tức là tám nhân còn lại kia”.

Thuật rằng: Trong sư thứ hai giải thích hai đoạn văn phân làm hai giải thích. Trong mỗi mỗi đoạn lại có hai phần:

1. Chánh giải thích.
2. Giải thích vấn nạn.

Đây là phần đầu. Nói hai chủng tử của Bồ-tát Địa, tức là hai nhân sinh khởi và khiên dẫn kia trong mười nhân như chỗ nhiếp danh. Ngoài ra các nhân khác tức là chỗ nhiếp tám nhân khác trong mười nhân. Dưới đây tự giải thích vấn nạn.

**Luận:** “Tuy trong hai nhân”, đến “vì hiển thù thắng cho nên nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Trong hai nhân khiên dẫn và sinh khởi, tuy cũng có không phải năng sinh nhân, vì các nghiệp chủng không phải năng sinh. Nhân duyên chủng tử trong hai nhân này, một là cận biện thể, hai là thọ quả vô tận. Vì thù thắng cho nên nói thiên về nó là năng sinh nhân, không nói chỗ nhiếp của tăng thượng nghiệp chủng.

**Luận:** “Tuy nội trong nhân khác”, đến “hiển nhiều cho nên nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Tuy trong tám nhân có Phi phương tiện nhân trong bốn nhân, gọi là nhân duyên chủng, vì tăng thượng nhiều trong bốn nhân toàn đủ và bốn nhân phần ít, luận nói thiên về nó là phương tiện nhân, tức là năng sinh nhân trước ẩn tăng thượng, phương tiện nhân sau ẩn nhân duyên, đều không sáng tỏ cho nên không hết lý.

**Luận:** “Hữu tâm tứ địa”, đến “tức là ngoài chín nhân kia”.

Thuật rằng: Văn dưới đây cũng có hai phần, căn cứ theo trước nên biết. Luận kia nói sinh khởi nhân tức là sinh khởi nhân thứ tư nhiếp trong mười nhân. Nói các nhân khác tức là chín nhân còn lại. Tại sao như thế?

**Luận:** “Tuy trong sinh khởi”, đến “vì hiển gần cho nên nói ngay”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích vấn nạn. Nhân của sinh khởi tuy có các nghiệp chủng không phải nhân duyên nhiếp, vì đối với khiên dẫn nhân đã thấm nhuần, là cận đắc quả. Ngay chủng tử danh ngôn trong tự nhân cùng với quả đồng tánh, vì là hiển gần cho nên nói thiên về nó. Lược bỏ không nói khiên dẫn nhân và nghiệp chủng trong tự nhân, nói thiên về sinh khởi nhân là năng sinh nhân, vì đã thấm nhuần rất ráo mới gọi là sinh khởi, cho nên mong khiên dẫn làm cận nhân.

**Luận:** “Tuy trong khiên dẫn”, đến “ẩn gần cho nên không nói”.

Thuật rằng: Tuy biết khiên dẫn nhân của Bồ-tát địa cũng có nhân duyên chủng là năng sinh nhân, nhưng mong sinh khởi nhân là viễn nhân, vì chưa thấm nhuần khắp, làm ác hay không tức là thọ, cho nên gần hay xa tức là nghiệp chủng hiển hiện. Tướng mạo của cận danh ngôn chủng ẩn, xa thì không nói nhân duyên chủng tử của nó, mà nói nghiệp chủng làm khiên dẫn. Không nói khiên dẫn nhân, lý cũng không trái.

**Luận:** “Ngoài phương tiện nhiếp thì cứ theo trên nên biết”.

Thuật rằng: Tuy trong bốn nhân còn lại cũng có nhân duyên. Nhưng bốn nhân toàn đủ, năm nhân phần ít, là thuộc về phương tiện. Như tăng thượng nhiều nói trên. Nói thiên về nó không phải là năng

sinh nhân. Thật lý cũng là vẫn chưa hết lý. Phần thứ ba lấy bốn duyên nương vào mười lăm xứ, nhiếp mười nhân và hai nhân.

**Luận:** “Chỗ nói bốn duyên”, đến “mười nhân và hai nhân”.

Thuật rằng: Quyển 1 nêu ra rằng: “Bốn duyên nương mười lăm xứ, vì nghĩa sai biệt cho nên lập làm mười nhân”. Từ trên đến đây tuy có hai đoạn văn, chỉ nương vào mười lăm xứ mà lập mười nhân, mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau. Chưa rõ nương vào mười lăm xứ mà lập bốn duyên và mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau, cho nên có câu hỏi này. Trong đó phần đầu là hỏi, tiếp theo là đáp. Trong đáp thì trước hết là đáp duyên y xứ, sau đó phân rõ duyên cùng với nhân nhiếp nhau.

**Luận:** “Luận nói nhân duyên”, đến “lập tăng thượng”.

Thuật rằng: Trong phần đầu có đoạn: một là dẫn văn, hai là chánh giải thích. Đây là dẫn luận Du-già quyển 5, luận Hiện Dương quyển 18 đều đồng.

**Luận:** “Chứng tử trong đây”, đến “nhân duyên chứng nhiếp”.

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có hai đoạn:

1. Giải thích nhân duyên y xứ.
2. Trong giải thích hai duyên y xứ, trong đó mỗi mỗi đều có hai sự giải thích.

Chỗ nói chứng tử là nhân duyên tức là Tập khí thứ ba, Hữu nhuận chủng tử thứ tư, Tùy thuận thứ mười một, Sai biệt công năng thứ mười hai, Hòa hợp thứ mười ba, Bất chướng ngại thứ mười lăm trong mười lăm y xứ hợp chung trong sáu y xứ. Trừ ra hiện hành nhân duyên chủng của nó nhiếp, tức là chỗ nói sáu nhân y xứ chủng tử trước là nhân duyên.

**Luận:** “Tuy hiện hành bốn xứ”, đến “ở đây lược bỏ không nói”.

Thuật rằng: Trên đã giải thích bản văn, dưới đây là giải thích nghĩa không hết, chỉ nói chủng tử mà không nói hiện hành. Tuy trừ bỏ hai y xứ thứ ba và thứ tư, ngoài ra bốn y xứ còn lại cũng có hiện hành là nhân duyên, ngưng nhiều gián đoạn, ở đây lược bỏ không nói là nhân duyên nhiếp, chỉ nói chủng tử là nhân duyên.

**Luận:** “Hoặc nó cũng có thể”, đến “cũng lập tên của chủng”.

Thuật rằng: Lại nữa, giải thích trừ khiên dẫn và sinh khởi ra thì hiện hành trong bốn nhân có thể làm nhân duyên, cũng là hai chữ “chủng tử” trong nhiếp, vì phân rõ tự quả gần, ví dụ như giải thích trước. Giải thích này thì vẫn lấy làm tận lý.

**Luận:** “Hoặc hai chữ chủng tử”, đến “thủ và xả như trước”.

Thuật rằng: Sư thứ hai giải thích. Hai chữ “chủng tử” này chỉ thuộc trong mười lăm y xứ, hữu nhuận chủng tử y xứ thứ tư vì có hai chữ chủng tử. Trong hữu nhuận này không lựa bỏ nghiệp, không nhiếp nhân duyên chủng trong tập khí và nhân duyên trong bốn y xứ. Thủ và xả như trước nhiếp hai nhân. Ý của sư này giải thích phỏng theo sự sinh khởi thân cận cho nên không nói các nhân còn lại. Nhân duyên chủng hiển không nói nghiệp, vì sự xa gần của khiên dẫn riêng khác, cho nên lược bỏ mà không nói, tức là lấy văn này làm chưa hết lý.

**Luận:** “Nói Vô gián diệt”, đến “nghĩa của hai duyên”.

Thuật rằng: Trên đã giải thích nhân duyên, trong giải thích dưới đây có hai phần, đây là nghĩa của sư thứ nhất. Hai chữ “hai xứ” kia có ý hiển chỉ là hai duyên này. Không phải chỉ có chỗ nhiếp của Vô gián diệt xứ thứ năm và cảnh giới y xứ thứ sáu, ngoài ra trong ba y xứ là lãnh thọ, hòa hợp và bất chướng ngại xứ cũng đều có nghĩa của hai duyên này. Quán đái chờ cảnh và tâm mới được sinh. Còn lại hai duyên hợp chung với trước làm thể, tức là lấy văn này mà làm tận lý.

**Luận:** “Hoặc chỉ có năm, sáu”, đến “lược bỏ không nói”.

Thuật rằng: Đây tức là sư thứ hai trước nói. Hai duyên y xứ chỉ có y xứ thứ năm và thứ sáu, không phải ba y xứ còn lại, ba y xứ còn lại tuy có hai duyên y xứ này, vì tương ứng mà lại ít cho nên không nói. Hai xứ toàn đủ, vì tên cũng hiển. Chỉ nói hai duyên ẩn, còn lại thì ít cho nên lược bỏ không nói, tức là lấy đoạn văn này làm bất tận lý. Nương vào chỗ còn lại mà lập tăng thượng, vì dễ cho nên lược bỏ không nói. Tùy theo trước chỗ đáng tận lý hay bất tận lý, trừ ba duyên còn lại đều là tăng thượng.

**Luận:** “Luận nói nhân duyên”, đến “thuộc về nhiếp thọ nhân”.

Thuật rằng: Dưới đây là đáp. Bốn duyên, mười nhân và hai nhân nhiếp nhau, trong đây hợp chung làm mười nhân và hai nhân nhiếp nhau. Trong đó có hai đoạn: một là dẫn văn, hai là chánh giải. Quyển 38 ghi: “Nhân duyên tức là năng sinh nhân nhiếp, Tăng thượng duyên tức là phương tiện nhân”. Trong đó Đẳng vô gián và Sở duyên duyên, hai duyên này là nhiếp thọ nhân nhiếp. Trong đây riêng viển nhiếp thọ nhân nhiếp hai duyên trên. Từ chỗ nhiếp của chín duyên và hai nhân còn lại thì lý cứ theo đó có thể thành cho nên luận không nói, chỉ lấy lý do hai duyên tương tục trong nhiếp thọ mà nói thiên về nó. Không phải trong phương tiện nhân không nhiếp hai duyên. Quán đái, đồng sự và Bất tương vi là phương tiện nhân nhiếp. Lại nữa, đã phân rõ hai nhân cùng với mười nhân nhiếp nhau, chỉ nói năng sinh nhân là nhân duyên,



phương tiện nhân là Tăng thượng duyên. Hai duyên trung gian là nhiếp thọ nhân, tức là hiển phương tiện nhân trong hai nhân nhiếp ba duyên. Năng sinh nhân nhiếp nhân duyên, nghĩa cũng gồm hiển sáu nhân phần ít trong mười nhân là nhân duyên nhiếp, một nhân phần ít là hai duyên trung gian gọi là nhiếp thọ nhân, hoặc gồm quán đãi, đồng sự và Bất tương vi cũng có hai duyên, nhưng luận chỉ nói nhiếp thọ nhân để hiển, còn lại là lý của Tăng thượng duyên đã thành lập. Văn có lược bớt.

**Luận:** “Chỉ có phương tiện nhân”, đến “cho nên đây nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Hiện tại luận này giải thích văn kia không hết lý. Nếu cứ theo phương tiện nhân nhiếp hết các nhân còn lại thì có Phi Tăng thượng duyên, vì Đẳng vô gián và Sở duyên duyên là phương tiện nhân nhiếp, vì phương tiện nhân nhiếp nhân phần nhiều. Nói rằng trừ quán đãi, đồng sự và Bất tương vi phần ít ra thì còn lại đều là Tăng thượng duyên. Thiên nói về phương tiện nhân là Tăng thượng duyên. Đây là phỏng theo thể của không tương loạn Tăng thượng duyên mà giải thích. Hoặc thể tương loạn lấy hai duyên còn lại cũng là Tăng thượng duyên thì đều phương tiện nhân nhiếp. Không như thế thì không nói năng sinh nhân là Tăng thượng duyên, vì hiển trong phương tiện nhân có đủ ba duyên.

**Luận:** “Nhân khác cũng có”, đến “để hiển cho nên nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Trong mười nhân thì nội trong sáu nhân là nhân duyên, đều là năng sinh nhân, trong bốn duyên là chỗ nhiếp của nhân duyên. Đẳng vô gián duyên trong lãnh thọ nhân, nhiếp thọ nhân, đồng sự nhân và Bất tương vi nhân là Đẳng vô gián duyên trong phương tiện nhân nhiếp. Sở duyên duyên trong lãnh thọ nhân, nhiếp thọ nhân, đồng sự nhân và Bất tương vi nhân đều là Sở duyên duyên trong phương tiện nhân nhiếp. Tuy trong bốn nhân lãnh thọ, nhiếp thọ, đồng sự và Bất tương vi này cũng có hai duyên trung gian Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên, hai duyên này ở trong giai vị của bốn duyên. Nhưng trong nhiếp thọ nhân vì có hai y xứ danh và thể toàn hiển cho nên nói thiên về nó. Ngoài ra các nhân còn lại không có hai y xứ danh và thể toàn đủ hai duyên, cho nên lược bỏ không nói.

**Luận:** “Một là năng sinh nhân nhiếp, tiến thoái như trước”.

Thuật rằng: Nhưng năng sinh nhân là nhân duyên, hoặc nói sáu nhân, hoặc nói hai nhân, lại còn nương vào Bồ-tát địa hoặc lấy chung sáu nhân gọi là tiến, hoặc chỉ lấy hai nhân gọi là thoái. Hoặc trong sáu

nhân chỉ lấy chủng tử là năng sinh nhân nhiếp hiện hành không hết, gọi đó là thoái. Hoặc gồm lấy hiện hành gọi đó là tiến. Chỗ y Hữu tâm tứ địa, hoặc lấy sáu nhân gọi đó là tiến, chỉ lấy một nhân gọi đó là thoái. Hiện tại luận này nói chung, đều như trước nói.

**Luận:** “Chỗ nói nhân duyên”, đến “nương xứ nào mà đắc?”

Thuật rằng: Đây là hỏi. Phần thứ tư phân rõ các y xứ đắc quả là đáp câu hỏi này. Nhân là mười nhân, duyên là bốn duyên, chắc chắn có quả. Quả có mấy loại? Nương xứ nào mà đắc? Tức là hỏi nương xứ nào đắc quả nào? Văn dưới đây có ba phần:

1. Đáp quả có mấy loại.
2. Đáp y xứ đắc quả.
3. Thuyết minh mười nhân và bốn duyên đắc quả.

Chưa thuyết minh y xứ đắc quả. Trước hết nêu thể của quả.

**Luận:** “Quả có năm loại”, đến “Dị thực sinh Vô ký”.

Thuật rằng: Nói rằng chỗ chiêu cảm Dị thực sinh Vô ký của Hữu lậu thiện. Hữu lậu thiện là lựa riêng với Vô lậu thiện. Tự tương tục là lựa riêng với tha và phi tình. Hoặc chỉ nói Dị thực tức là báo trong sáu thức, không phải chân Dị thực nhiếp. Hiện tại luận này làm tổng nhiếp kia, cho nên nói Dị thực sinh. Nhưng bản thức cũng gọi là Dị thực sinh Vô ký. Như quyển 2 trước nói rõ. Trong đây tức là hiển chỗ sai trong luận Thiện Bất Thọ Báo của Pháp sư Đạo Sinh xưa, đồng với Tiểu thừa do Hữu lậu thiện mà cũng cảm báo. Vị này có lâu dài, đến Kim cương tâm vị mới đoạn nhanh, thông với Nhị thừa vô học. Luận Hiển Dương quyển 38, luận Đối Pháp quyển 15 đều đồng.

**Luận:** “Hai là quả Đẳng lưu”, đến “quả sau tùy chuyển”.

Thuật rằng: Nói rằng chỗ dẫn đồng loại của tập thiện, Vô ký và bất thiện, không mong nhân của dị loại làm quả Đẳng lưu. Quả thì thù thắng mà nhân có thể yếu kém, không phải quả yếu kém mà nhân thù thắng. Quyển 38 đều nói thiện pháp tăng làm tự quả. Luận Đối Pháp thì chỉ căn cứ theo thiện pháp, luận thật ra quả này không phải không thông với quả khác. Hoặc tương tự nghiệp đời trước, quả tùy chuyển sau, quyển 38 cũng đồng với ý này. Nói rằng nếu sát sinh thì bị quả báo đoản mạng, là đồng loại của nghiệp đời trước, lấy phần hạn dài ngắn của Thức thứ tám mà làm quả Đẳng lưu. Tùy thuận tương môn tức là Vô ký quả và tự nghiệp tương tự cùng với thiện không làm đồng loại. Chỉ có một pháp này, không phải các pháp khác đều là giả thuyết, thật ra là quả tăng thượng, nhưng giả gọi là quả Đẳng lưu, không phải Đồng tánh quả, vì pháp Dị tánh không phải Đồng loại, do đó khiến cho tha mạng

đoản và tự mạng cũng đoản. Nghĩa tương tự mượn gọi là Đẳng lưu, thật ra là chỗ cảm của nghiệp. Quả này thông với Hữu lậu và Vô lậu, chỉ là Hữu vi, phạm Thánh đều thông, cũng là hiện hành mong chủng tử, chủng tử mong hiện hành cũng vậy. Chỗ y trước sau của luận Du-già thông với luận này.

**Luận:** “Ba là Ly hệ”, đến “thiện pháp Vô vi”.

Thuật rằng: Đây là sở chứng Vô lậu đoạn chướng, là bất động diệt, tướng thọ diệt và ba tánh Chân như của Trạch diệt trong tám Vô vi. Luận Đối Pháp ghi: “Tùy miên vĩnh viễn diệt là quả này”. Luận Du-già quyển 38 và luận Hiển Dương cũng ghi: “Dị sinh lấy thế tục trí diệt các phiền não, vì không rốt ráo cho nên không phải quả này nhiếp”. Nhưng quả này có nghĩa chỗ đặc là chỉ đoạn phiền não chướng, không phải Sở tri chướng. Hoặc Sở tri chướng nói là định chướng thì cũng vậy. Như dưới đây quyển 10 ghi: “Có nghĩa Sở tri chướng cũng được”. Trong đó là nói chung, cũng không có lỗi tương vi.

**Luận:** “Bốn là Sĩ dụng”, đến “phân rõ sự nghiệp”.

Thuật rằng: Nói rằng các tác giả mượn các tác cụ để phân rõ sự nghiệp, nhưng quyển 38 chỉ ghi: “Sĩ phu dụng cho đến các sự như bói toán, do đây trở thành phân rõ sự gieo giống và gặt hái, là quả Sĩ dụng”. Không nói như câu hữu nhân đặc các quả câu sinh, Vô gián, gián cách và bất sinh. Do đây có thể có hai thuyết:

1. Sư thứ nhất chỉ có Sĩ phu dụng làm nhân mà đặc quả Sĩ dụng. Nhân chỉ có giả, không phải có ít thật pháp.

2. Ý của sư thứ hai là tâm tâm sở đồng thời cũng đặc quả này, tức là không phải chỉ có sĩ phu giả mượn làm nhân.

Văn chỉ nói chung các tác giả mượn các tác cụ để phân rõ sự. Sư trước chỉ có Hữu vi phần ít làm quả thể, chỗ phân rõ do lực của sĩ phu. Sư thứ hai thì thông với Vô vi cũng là quả thể.

**Luận:** “Năm là tăng thượng”, đến “chỗ đặc quả khác”.

Thuật rằng: Nếu luận về tướng riêng, trừ bốn quả trên ra thì tức là quả này, thông rộng với Hữu lậu và Vô lậu.

**Luận:** “Luận Du-già nói”, đến “đặc quả tăng thượng”.

Thuật rằng: Nêu ra quả thể đã xong, tiếp theo là y xứ đặc quả. Trong đó có hai phần: một là dẫn văn, hai là chánh giải thích. Luận Du-già quyển 5 và luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Tập khí y xứ đặc Dị thực”, cho đến nói rộng. Nêu ra văn đặc quả, có hai sự giải thích. Trong giải thích của sư thứ nhất có hai đoạn:

1. Chánh giải.

2. Lập lý, tức là sự thứ nhất giải thích mười nhân và hai nhân nhiếp nhau ở trước.

**Luận:** “Nói tập khí xứ”, đến “tất cả công năng”.

Thuật rằng: Hiện chỗ đặc năm y xứ trong mười lăm y xứ của quả Dị thực. Nói rằng năm y xứ đặc là Tập khí, Hữu nhuận, Công năng sai biệt, Hoà hợp và Bất chướng ngại, lấy sự dẫn phát chỉ mong quả tự loại để nói, quán đãi tánh lại xa, nghĩa của nghiệp đặc quả thì gần. Trong nhiếp thọ nhân căn cứ theo sĩ phu làm tác dụng y xứ cũng không có quả Dị thực, hoặc pháp tác dụng y xứ cũng đặc quả này, tức là sáu y xứ đặc. Do đó luận trước ghi: “Hoặc nhiếp thọ năm y xứ để phân rõ pháp Hữu lậu”. Trừ tâm và tâm sở ra, còn hai y xứ khác nhiếp thọ tất cả Hữu lậu. Hiện tại luận này chỉ tổng nói để hiển các y xứ mà không nói riêng. Tại sao biết có năm y xứ? Căn cứ theo nhân đặc quả dưới đây, không nói nhiếp thọ nhân đặc quả này. Quả Sĩ dụng có hai thuyết, ở đây cũng đáng lẽ như thế.

**Luận:** “Nói tùy thuận xứ”, đến “tất cả công năng”.

Thuật rằng: Hiện quả Đẳng lưu tức là chỗ đặc của bảy y trong y xứ, nghĩa là tập khí mong tự loại chủng, Hữu lậu mong hiện hành và tự loại chủng, chân thật kiến cũng mong tự loại, hiện hành, tùy thuận, sai biệt công năng, hòa hợp và bất chướng ngại. Đây là nói sĩ phu làm Sĩ dụng. Có nói y xứ của Sĩ dụng và tác dụng cũng đặc quả này. Lấy pháp làm Sĩ dụng thì sự này có chín nhân đặc quả Đẳng lưu. Lại nữa, giải thích sĩ phu có thể đặc, tác dụng y thì xa chưa chắc có thể đặc, vì trợ duyên hiện tại cho nên không phải làm duyên hiện tại, chỉ có tám y đặc. Lãnh thọ nhân chỉ mong năng lãnh thọ và sở lãnh thọ của hữu tình sĩ phu. Hoặc xa thì mong nhau, gần thì mong pháp cho nên không đặc. Chỗ mong của Vô gián diệt y không đồng, hoặc lấy quả niệm sau của phẩm dưới, cho nên cũng không nói là đặc. Ngoài ra đều có thể biết.

**Luận:** “Nói Chân kiến xứ”, đến “tất cả công năng”.

Thuật rằng: Nói rằng năm y xứ đặc trong y xứ, là chân kiến và tùy thuận cũng dẫn đến Niết-bàn. Công năng sai biệt mỗi mỗi đều dẫn Tự thừa quả, xứ và đặc của hòa hợp và bất chướng ngại, đây là lấy sĩ phu làm Sĩ dụng, hoặc nói pháp làm Sĩ dụng, tức là Sĩ dụng và tác dụng đều đặc quả này. Nhưng thứ không đặc còn lại có thể biết. Không phải quán đãi nhân đặc, là xa thì chờ nhau, không lấy chứng đãi. Lại nữa, Kiến phần phỏng theo pháp Hữu vi làm quán đãi nhân thanh tịnh. Lại nữa, đãi năng chứng có sở chứng, đối với sinh, trụ và thành mà đặc quả và xứ chuyển. Thế nào là không đặc? Hợp chung bảy y xứ đặc quả Ly hệ.

Văn dưới không nói quán đái nhân cũng đặc quả Ly hệ, vì phỏng theo thanh tịnh Hữu vi mà làm quả.

**Luận:** “Nói Sĩ dụng xứ”, đến “tất cả công năng”.

Thuật rằng: Tức là trong y xứ có nói năm xứ đặc, là lãnh thọ y xứ, cũng mong sĩ phu làm Sĩ dụng làm quán đái nhân, chỗ đặc y xứ của Sĩ dụng, tác dụng, hòa hợp và bất chướng ngại. Tùy thuận chỉ mong tự thiện pháp. Định dị cũng phỏng theo các pháp thể khác nhau, không mong sĩ phu cho nên không đặc. Sư thứ hai nói pháp cũng gọi là sĩ phu, tức là Lãnh thọ, Tập khí, Hữu nhuận, Vô gián diệt, Sĩ dụng, Tác dụng, Chân kiến, Tùy thuận, Công năng sai biệt, Hòa hợp và Bất chướng ngại, gồm mười một y xứ đặc. Ngữ y xứ và pháp, không phải Sĩ phu dụng và Sĩ phu quả. Quả và nhân không hợp chung nhau, vì nói không phải sĩ phu pháp. Quả này phải sinh, vì Ngữ y xứ kia hiển hiện nơi pháp. Trong mười nhân dưới đây, không nói ngữ nhân đặc quả Sĩ dụng, cho nên biết y xứ làm chuẩn cũng như thế.

**Luận:** “Nói xứ của các chỗ khác”, đến “tất cả công năng”.

Thuật rằng: Đây là tùy theo các pháp chỗ không nhiếp ở trước đều là thể này. Đây là căn cứ theo thể riêng, nói rằng toàn phần ngữ, cảnh giới, căn và chướng ngại y xứ, còn lại mười một y xứ phần ít. Nếu không như thế thì tất cả đều như vậy. Nương ý nào mà nói như vậy?

**Luận:** “Nếu không như thế thì đáng lẽ quá rộng hoặc quá hẹp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là lập lý. Nếu không giải thích như trước thì mỗi mỗi đều có lỗi quá rộng hoặc quá hẹp. Lại như tập khí chỉ có mục thứ ba, tức là trong phần thứ ba có Phi nghiệp, cũng đặc quả Dị thực thì liền trở thành quá rộng. Ngoài ra bốn y xứ còn lại có nghiệp chủng không đặc thì trở nên quá hẹp. Nói tùy thuận xứ thì chỉ có mục thứ mười một, trong tự y xứ của nó cũng dẫn sinh Niết-bàn, và không phải các pháp Vô lậu đồng loại khác cõi. Vì không phải quả Đăng lưu cho nên có lỗi quá rộng. Ngoài ra hoặc trong sáu, hoặc trong tám, hoặc trong bảy y xứ cũng có chỗ không nhiếp, tức là lỗi quá hẹp. Nói Chân kiến xứ chỉ có mục thứ mười cũng làm quá rộng. Tự xứ cũng nhiếp đồng thời, và đồng loại các pháp sau không phải quả Ly hệ, ngoài ra trong bốn xứ cũng đặc Ly hệ, đã không nói tức là quá hẹp. Nói Sĩ dụng xứ chỉ có mục thứ chín, tức là trong tự y xứ cũng dẫn quả tăng thượng và quả Đăng lưu, hoặc nhiếp hết các y xứ kia, tức là lỗi quá rộng. Ngoài ra hoặc bốn xứ, hoặc mười xứ cũng đặc quả này, nếu không nhiếp thì cũng có lỗi quá hẹp. Ngoài ra trong y xứ cũng có quá rộng, tức là ngoài bốn y xứ trước, trong y xứ còn lại cũng có bốn quả thể tồn tại của quả Đăng

lưu, hoặc đều là các quả tăng thượng khác thì trở thành quá rộng. Chỉ trừ chỗ nhiếp bốn y xứ trước ra để làm các quả tăng thượng khác, trong y xứ trước cũng có quả tăng thượng, như trong tập khí không đặc quả Dị thực, tức là các nhân duyên chủng trong tùy thuận không đặc Đẳng lưu, tức là đặc Niết-bàn. Chân kiến cũng có bất đặc Ly hệ, dẫn các tự loại sau. Trong lãnh thọ cũng có bất đặc Sĩ dụng, như ống chân chờ bàn chân, nếu không nhiếp nó thì trở thành quá hẹp, cho nên biết đối với chỗ nói của tôi là đúng. Hoặc tăng thượng này chỉ nên vấn nạn về hẹp. Ngoài ra bốn y xứ còn lại đặc các quả khác. Nhưng sự rộng hẹp này chỉ chuẩn theo tâm sở đầu tiên đặc quả y xứ mà nói.

**Luận:** “Hoặc tập khí”, đến “cho nên ở đây nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Sự thứ hai nói thể tánh rộng hẹp của năm quả như trước. Chỉ giải thích văn của luận có tận lý hay không tận lý là khác với trước mà thôi. Nói tập khí này, chỉ thuộc y xứ thứ ba trong mười lăm y xứ, tuy báo nhân này ngoài bốn y xứ khác cũng có, trong tập khí cũng có Phi báo nhân, là năm chủng của các thức sinh hiện hành, vì từ khi Dị thực nhân chín muồi trở đi thì quả xa nhau, tập khí y xứ mong quả cũng xa. Thiên nói về tập khí đặc quả Dị thực, không nói tập khí đều là Báo nhân. Ngoài ra trong y xứ không có nhân này.

**Luận:** “Nói tùy thuận xứ”, đến “cho nên nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Tùy thuận xứ này chỉ thuộc thứ mười một đặc quả Đẳng lưu. Tuy biết như trước trong sáu, bảy, tám y xứ cũng đặc quả Đẳng lưu, xứ này cũng đặc Phi quả Đẳng lưu, cùng với Niết-bàn làm nhân cũng như vậy, vì Đẳng lưu nhân chắc chắn là pháp cõi dưới, cùng với tự nó và pháp cõi trên làm nhân của nó. Tùy thuận cũng như thế, vì chiêu hiển hành tướng Hữu vi thù thắng cho nên luận nói thiên về nó, cũng không hết lý.

**Luận:** “Nói Chân kiến xứ”, đến “hiển lẫn nhau cho nên nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Chân kiến xứ này chỉ thuộc xứ thứ mười, tuy như nói trước bốn y xứ còn lại, hoặc năm y xứ cũng đặc quả này, vì xứ này cũng có thể dẫn đồng loại, không phải đều là đặc Ly hệ, vì Chân kiến đó chiêu cảm gọi Ly hệ hiển lẫn nhau cho nên luận nói thiên về nó, cũng không hết lý.

**Luận:** “Nói Sĩ dụng xứ”, đến “do đó nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Cứ như trên có thể hiểu. Vì quả Sĩ dụng mong đối với xứ, tức là Sĩ dụng xứ gọi là hiển, và thể tướng cũng hiển, cho nên nói thiên về nó. Không phải bốn y xứ khác, hoặc mười y xứ không có, chỉ là

y xứ của Sĩ dụng thì đắc quả Sĩ dụng, không thể đồng với chỗ nói trước là xứ này cũng có thể đắc Phi quả Sĩ dụng. Chỉ có tổng nói là cũng có thể chiêu vởi quả tăng thượng. Chỗ đắc Sĩ dụng của Sĩ dụng y này cũng được gọi là tăng thượng, cũng chưa hết lý.

**Luận:** “Những chỗ khác chỉ thuộc”, đến “cho nên ở đây nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Đây là nhiếp các chỗ còn lại, là mười một xứ còn lại, tức là trừ ngoài các pháp của quả y xứ ra, lấy bốn y xứ còn lại, đã hiển đắc bốn quả còn lại. Không nói bốn xứ còn lại cũng đắc quả tăng thượng. Mười một xứ này cũng đắc bốn quả còn lại, mà quả tăng thượng phần nhiều là hiển cho nên nói thiên về nó, đều chưa hết lý cho nên lược bỏ không nói. Y xứ đã hiển thị, tiếp theo thuyết minh mười nhân và bốn duyên đắc quả phần nhiều hoặc phần ít.

**Luận:** “Như vậy tức là nói”, đến “Tăng thượng duyên đắc”.

Thuật rằng: Đắc quả trong đây tùy theo văn mà giải thích. Lý của nó không hết, như Xu Yếu giải thích, là năm nhân trong mười nhân đắc quả Dị thực. Quán đãi chỉ mong sĩ phu làm nhân cho nên không lấy. Nếu mong pháp làm nhân thì lấy, có sáu nhân trong mười nhân. Ngoài ra có thể biết. Y xứ đắc trong đây có riêng khác như trước đã nói. Tăng thượng duyên đắc trong bốn duyên này thì Đại thừa là Báo nhân không phải nhân duyên.

**Luận:** “Hoặc quả Đẳng lưu”, đến “duyên đắc đầu và cuối”.

Thuật rằng: Quả Đẳng lưu có bảy nhân đắc như trong văn. Trong đây hoặc chúng mong hiện hành là nhân duyên, ngoài ra là Tăng thượng duyên, đều nên như lý mà biết. Nhưng rộng và y xứ mà có rộng và hẹp như trước, còn lại những nhân bất đắc có thể biết. Hai chủng của nhân duyên và Tăng thượng duyên, ở vào đầu và cuối trong bốn duyên.

**Luận:** “Hoặc quả Ly hệ”, đến “Tăng thượng duyên đắc”.

Thuật rằng: Quả Ly hệ có năm nhân đắc. Vì mong sĩ phu làm quán đãi, cho nên không nói đắc nó, vì mong Hữu vi thanh tịnh khiên dẫn cho nên cũng không đắc, ngoài ra nghĩa của nhân không đắc có thể biết. Nhưng sự rộng và hẹp của nhân y xứ như trước có thể biết. Đây là chỉ có Tăng thượng duyên đắc.

**Luận:** “Hoặc quả Sĩ dụng”, đến “Tăng thượng duyên đắc”.

Thuật rằng: Ở đây có hai thuyết. Bốn nhân đắc của sư thứ nhất, lấy sĩ phu làm Sĩ dụng, còn lại các nhân bất đắc thì không phải sĩ phu, mỗi mỗi đều mong riêng pháp. Quán đãi tương đồng, cho nên lấy, chỉ có Tăng thượng duyên đắc.

**Luận:** “Có nghĩa quán đái”, đến “còn lại ba duyên”.

Thuật rằng: Đây là sự thứ hai. Thông pháp làm sĩ phu, tức là tám nhân đắc, chỉ nói nhân bất đắc, như đã nói trong xứ trước, còn lại có thể biết. Vì chỉ có năng hiển không phải là năng sinh. Năng sinh và sở sinh là quả này. Đã như thế tức là trừ bỏ Sở duyên duyên còn lại ba duyên đắc, ngoài pháp thì không có, như ứng dụng của sĩ phu không phải Sở duyên duyên đắc. Vô gián cũng gọi là Sĩ dụng, y xứ rộng hẹp như trước đã nói, nhưng không có sự bất sinh của Sĩ dụng.

**Luận:** “Hoặc quả tăng thượng”, đến “tất cả dung chứa đắc”.

Thuật rằng: Quả tăng thượng này căn cứ theo thể chung mà làm luận. Mười nhân và bốn duyên đắc, hoặc giải thích không như thế, trừ nhân chỗ dụng ở trước làm Tứ quả ra, còn lại sở đắc của nhân, chỗ mong không đồng, quả mỗi mỗi khác.

Hỏi: Nhưng trong Bất tương vi nhiếp Vô vi thì như thế nào đắc tăng thượng?

Đáp: Mười nhân đều đắc quả, không có nhân nào mà không đắc, không đồng với Vô vi của Tiểu thừa không phải nhân và quả của sáu nhân và năm quả. Không nói có thủ và xả làm nhân, nhưng cùng với chỗ bất chướng ngại làm chỗ không ngại của nhân, tức là quả của Vô vi này. Không có nghĩa của xả và thủ, vì không đồng với Tiểu thừa. Đó tức là Tùy thuyết nhân, quán đái cũng như thế.

**Luận:** “Các luận khác đã xong, nên phân rõ chánh luận”.

Thuật rằng: Ở đây có hai giải thích:

1. Chỉ thuyết minh nương vào mười lăm xứ mà nói bốn duyên trở xuống gọi là các luận khác, trở lên là chánh luận. Để thuyết minh văn của duyên sở sinh pháp, đáng lẽ thuyết minh năng sinh duyên. Bốn duyên là chánh luận.

2. Bốn duyên trở xuống đều là các luận khác nhiếp. Tuy thuyết minh duyên sở sinh, vì không muốn phân rõ duyên. Hiện tại căn cứ quyển này ghi tiếp: “Đã lấy duyên sinh pháp mong nhau mà khởi duyên nhiều hay ít để làm chánh luận, cho nên biết bốn duyên là chánh luận”.

Hoặc không phân rõ thể mà tại sao giải thích dụng? Những thứ này là huyền diệu, hoặc xưa đã từng nghe, hoặc trước kia chỗ chưa có, học giả sau này nên hiểu nghĩa tường tận. Nhưng theo luận Du-già thì lấy sở đắc của sĩ phu làm quả Sĩ dụng, nhưng lý không chướng ngại pháp khác cho nên hai sự đều đúng. Tùy dụng đều đắc, nhưng mười nhân này Hữu lậu và Vô lậu, Hữu vi và Vô vi, ba cõi trói buộc hoặc không trói buộc, là sở đoạn của kiến, nên như lý tư duy.



Trong câu hỏi trước, hỏi về duyên và sinh. Tuy đã thuyết minh duyên, nhưng chưa giải thích sinh. Từ đây xuống là giải thích sinh, trong đó có hai phần:

1. Phân rõ hiện sinh và chủng sinh.
2. Phân rõ sinh chủng.

Trong sinh hiện lại có hai: phần đầu phân rõ chủng sinh, phần sau phân rõ hiện sinh. Trong chủng sinh và hiện sinh mỗi mỗi đều có hai phần, phần đầu là nhiễm, phần sau là tịnh.

**Luận:** “Chủng trong bản thức”, đến “trừ Đẳng vô gián”.

Thuật rằng: Nói rằng chủng tử trong bản thức là tổng quát mà nói, dung chứa tạo tác ba duyên sinh hiện phân biệt. Chữ “phân biệt” là nhiếp chung tâm tâm sở, hoặc Kiến phần và Tướng phần, không phải chỉ có tự thể. Trừ Đẳng vô gián ra, chỉ có tâm tâm sở mong nhau mà lập duyên này.

**Luận:** “Nói rằng mỗi cận chủng là nhân duyên của nó”.

Thuật rằng: Giải thích làm ba duyên. Đây là lựa riêng nghiệp chủng sinh quả Dị thực và các quả tăng thượng khác. Tuy nhân thức sinh, phải nhờ chủng của căn, nhưng không phải cận chủng, cũng không phải nhân duyên. Nói một cách tổng quát đó là tất cả pháp của Tướng phần và Kiến phần đều có duyên này mà sinh, không có Phi thức chủng sinh.

**Luận:** “Làm Sở duyên duyên đối với năng duyên”.

Thuật rằng: Nói phải là tâm và pháp tâm sở chủng của năng duyên, phải là chủng tử mới làm Sở duyên duyên của nó, trừ ra tất cả Tướng phần, vì Tướng phần không thể duyên; và trừ ra tự thể phần, vì không duyên chủng. Nhưng trong Kiến phần trừ ra năm thức và Thức thứ bảy vì không duyên chủng tử, chỉ cùng với Kiến phần của Thức thứ tám trong tất cả thời, Thức thứ sáu thì có khi duyên là chủng tử kia cùng làm duyên. Hiện tại luận này lựa riêng chỗ không làm duyên như vậy, nghĩa là làm sở duyên đối với năng duyên là nói đơn giản.

**Luận:** “Hoặc chủng tử đối với nó”, đến “là Tăng thượng duyên”.

Thuật rằng: Nghĩa là:

1. Có chủng tử đối với hiện hành pháp có thể trợ giúp lực, như căn chủng đối với thức chủng, tác ý chủng đối với thức...

2. Lại nữa, tuy không có trợ lực, nhưng không có làm chướng ngại, như Dị thức chủng mong Dị hiện hành, đều là Tăng thượng duyên. Nhưng lựa riêng với Vô lậu chủng và Hữu lậu hiện hành làm sinh Đẳng duyên, vì nó có thể chướng ngại. Tuy cũng là Tăng thượng duyên thuộc

Bất tương vi nhân nhiếp, nhưng trong sinh hiện phân biệt thì không phải có thể không chướng ngại, cho nên lỗi. Hoặc cũng là duyên này, hiện tại chưa bị chướng ngại, vì chướng thì không sinh. Trong đó chỉ lựa riêng với chướng ngại hiện hành khiến cho duyên không sinh. Đây tức là chúng mong nhiếp hiện hành làm duyên đã nói xong.

**Luận:** “Sinh tịnh hiện hành nên biết cũng như thế”.

Thuật rằng: Nhưng đây là tổng nói. Trong Kiến phần thông với tất cả Kiến phần làm Sở duyên duyên, đều có thể duyên chủng, cũng cùng với Tự chứng phần làm Sở duyên duyên, thức thể của Phật quả duyên với tất cả pháp, cùng với nhiếp khác nhau. Tóm lại, thứ nhất là lấy chúng mong hiện là duyên có thể sinh phân biệt, là tất cả chúng như vậy như vậy biến hiện đã nói xong. Thứ hai là lấy hiện mong nhau làm duyên sinh phân biệt, trong phần đầu là chung, phần sau là riêng.

**Luận:** “Hiện khởi phân biệt”, đến “không có nhân duyên”.

Thuật rằng: Văn này là chung. Không lựa riêng với thức của tự và tha. Mong nhau dung chứa tạo tác ba duyên, hiện mong nơi hiện, không phải là cận biện thể, vì không có nhân duyên.

**Luận:** “Nói hữu tình loại”, đến “trừ Đẳng Vô gián”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là trong biệt, môn nhỏ thứ nhất. Tự thân và tha thân mong nhau, gọi là tự tha thân phân biệt, triển chuyển dung chứa tạo tác hai duyên. Nhân duyên có hay không là trong tổng môn trước đã quyết định trừ xong. Dưới đây chỉ có thủ và xả trong ba duyên còn lại. Đây là trừ Đẳng vô gián, vì Đẳng vô gián chỉ có tự một thức. Phân biệt trong đây đã nhiếp Kiến phần và Tướng phần, do tha sinh đều gọi là phân biệt. Nhưng tri, không chỉ là Kiến phần, tức là chỉ có sáu thức trước hoặc cũng là Thức thứ tám, vì thừa nhận biến tha xứ.

**Luận:** “Tự tám thức tự”, đến “hoặc không có hoặc có”.

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ hai. Tự thân của tám thức, tùy mỗi mỗi Kiến phần và Tướng phần tương ứng pháp của tám thức, gọi chung là tự thức tự, vì thức làm chủ đồng với tự pháp, dưới đây nói tự đều nên như vậy mà hiểu. Vả lại tự tám thức tự mong nhau, quyết định có Tăng thượng duyên, vì duyên này chung, chắc chắn không có Đẳng vô gián, chỉ có tự thức mong nhau mà làm duyên này. Đây là thuyết minh lựa riêng hoặc không hoặc có đã xong. Hai trong bốn duyên quyết định không có. Nói rằng nhân duyên và Đẳng vô gián duyên, một duyên quyết định có, nghĩa là Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên thì bất định. Dưới đây sẽ phân rõ.

**Luận:** “Thức thứ tám đối với bảy Thức có”, đến “chỗ dựa vật

chất”.

Thuật rằng: Đây là Thức thứ tám đối với bảy thức kia có Sở duyên duyên, bảy thức kia đối với Thức thứ tám thì không có nghĩa của duyên này, vì tướng sắc của Thức thứ tám làm bản chất của chính nó sinh Tướng phần sắc của năm thức. Thức thứ bảy cũng duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm cảnh, lý của Thức thứ sáu thì lấy chung Tướng phần và Kiến phần làm cảnh. Nếu không có Thức thứ tám quyết định làm bản chất thì năm thức và Thức thứ bảy không sinh, tuy không phải Sở duyên duyên gần, nhưng là Sở duyên duyên xa. Thức thứ tám không gá vào bảy thức kia mà sinh, bảy thức kia không phải Sở duyên duyên của Thức thứ tám, nếu có Thức thứ tám thì chắc chắn có bảy thức kia, bảy thức kia chỉ làm quyết định có Tăng thượng duyên của Thức thứ tám mà không phải Sở duyên duyên.

**Luận:** “Thức thứ bảy đối với sáu”, đến “tất cả đều không có”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy đối với sáu thức trước, trong năm thức đầu thì không có nghĩa của duyên này và cùng với một Ý thức làm Sở duyên duyên, vì ý duyên tất cả pháp. Năm thức không có thì không duyên Thức thứ bảy. Sáu thức trước đối với Thức thứ bảy đều không phải Sở duyên duyên đó, vì nó không duyên sáu thức, tự nó là pháp một hạnh cho nên không hỏi tám thức.

**Luận:** “Thức thứ sáu đối với năm không có”, đến “Thức thứ tám của tướng”.

Thuật rằng: Thức thứ sáu của nó đối với năm thức trước không có nghĩa của duyên này, năm thức đối với Thức thứ sáu thì có nghĩa duyên này. Năm thức duyên sở biến của bản thức làm cảnh, không chờ sở biến sắc của Thức thứ sáu làm tự cảnh. Có lực sinh thức mới làm duyên này. Không lấy tự tướng của năm thức làm Sở duyên duyên là vì quyết định không có.

**Luận:** “Tự loại trước và sau”, đến “năm lấy hiện cảnh”.

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ ba. Tự thân tám thức mỗi mỗi tự loại trước và sau mong nhau có thể làm vài duyên. Thức thứ sáu tự trước, dung chứa làm ba duyên sinh tự Thức thứ sáu tự sau, tức là trừ nhân duyên hiện hành mong nhau, có Sở duyên duyên căn cứ theo duyên để nói. Trong đây không trừ tâm Đăng vô gián duyên sau cùng của A-la-hán. Căn cứ theo thời gian lâu dài, chỉ nói dung chứa, ngoài ra bảy thức chỉ có hai duyên, không có nhân duyên và sở duyên, đều không phải là chủng tử. Lại nữa, không thể tự duyên thức tự của niệm trước cho nên chỉ duyên với hiện cảnh. Đây là sự thứ nhất, tức là nghĩa

của đồ chúng chấp “dài”.

**Luận:** “Thừa nhận năm thức sau kiến”, đến “cũng có ba duyên”.

Thuật rằng: Từ đây xuống sơ thứ hai y theo Sở duyên duyên trong Trung luận của Trần Na, nghĩa là thừa nhận Kiến phần niệm sau của năm thức duyên Tướng phần của niệm trước. Luận kia nói hoặc trước làm sau duyên dẫn công năng của nó. Luận kia tùy theo nhân quả dị thời của Kinh bộ, vì đã không phải hiện cảnh sinh năm thức. Tướng phần hiện hành năm thức của niệm trước làm năng huân, dẫn chủng tử của Tướng phần, sinh Tướng phần năm thức của niệm sau. Tướng phần năm thức của niệm trước có lực có thể sinh Kiến phần của thức sau, cho nên là nghĩa của duyên. Thức của niệm sau liên đới với niệm trước kia tương sinh, cho nên là nghĩa của sở duyên. Hiện tại luận này trình bày ý đó, thừa nhận sau năm thức thì Kiến phần duyên với tự thức tướng của niệm trước. Năm thức cùng với Thức thứ bảy trước và sau cũng có ba duyên, cũng là Thức thứ sáu, không phải Thức thứ tám, vì không phải năng huân, không thể dẫn chủng tử, cho nên tướng của niệm trước không phải Sở duyên duyên của tự thức sau. Tự thức trước và sau của sư này khác với nghĩa trước.

**Luận:** “Bảy thức trước với Thức thứ tám”, đến “tướng kiến chủng”.

Thuật rằng: Hoặc niệm sau lấy niệm trước làm Sở duyên duyên. Trong tự thân tám thức phẩm mong nhau, bảy thức trước đối với Thức thứ tám cũng dung chứa có Sở duyên duyên, vì bảy thức trước đều là năng huân mà thành chủng tử của Thức thứ tám phẩm Tướng phần và Kiến phần kia. Nói năm thức trước làm năng huân thành Tướng phần chủng của Tướng phần sắc Thức thứ tám, là Kiến phần Sở duyên duyên của Thức thứ tám. Thức thứ bảy làm năng huân thành chủng tử Kiến phần của Thức thứ tám kia, là Sở duyên duyên của Tự chứng phần. Tự chứng chủng sinh và Tự chứng tùy ứng cũng như thế. Thức thứ sáu hoặc duyên Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám mà huân tập chủng tử, tức là song huân cả phần chủng tử đó, hoặc duyên hư không, tâm tâm sở để làm Tướng phần, cũng duyên tướng và chủng Sinh không kia, không phải có thể huân tập và sinh khởi chủng tử Tướng phần và Kiến phần hiện hành của Thức thứ tám kia, vì Thức thứ tám không duyên hư không. Trong bảy thức này mong Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám kia, nên làm bốn câu. Thức thứ sáu đủ hai câu sau, như lý mà biết, tức là hai nghĩa khác với sư trước. Thức thứ sáu mong Thức thứ bảy nên biết theo đây.

**Luận:** “Đồng tụ khác thể”, đến “không duyên nhau”.

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ tư. Như trong một nhãn thức, đồng thời tâm và tâm sở, mỗi mỗi riêng mong nhau, tuy là đồng tụ, nhưng mà khác thể, lần lượt mong nhau chỉ có Tăng thượng duyên. Kiến phần và Tướng phần tất cả đều như thế, vì không duyên lẫn nhau. Nhưng tâm tâm sở này không duyên lẫn nhau, bản chất mà Tướng phần dựa thì đồng. Hoặc Tướng phần và Kiến phần không duyên nhau, không phải như Đại chúng bộ duyên câu sinh tâm và pháp tâm sở. Nếu thừa nhận duyên thì không đồng với một lõi của sở duyên, vì thọ không cùng với tâm đồng một duyên. Kiến phần của Đại chúng bộ không thừa nhận tự duyên, cũng có ngăn ngại này. Nhưng rất gần nhau mà không duyên pháp đồng thời, là nói Tự chứng phần đã được tự duyên. Sở duyên là chỗ dựa của vật chất đồng danh và đồng nhất. Không phải nhiều Kiến phần cùng chung với một cận Tướng phần gọi là đồng, nếu như thế thì cũng như tâm vương thứ tám, không thể duyên tướng của tâm sở, tức là không có bản chất. Thế nào gọi là sở duyên đồng nhất? Sở duyên đồng nhất tổng có hai nghĩa:

1. Chỗ dựa của bản chất đồng danh gọi là đồng nhất. Như năm thức đồng thời với pháp tâm sở thì đồng vật chất sở biến của bản thức sinh.

2. Tương tự gọi là đồng nhất, tức là Thức thứ tám đồng thời với tâm pháp tâm sở và Thức thứ sáu duyên quá khứ vị lai. Tuy hoặc là không có bản chất không gởi vào tha biến, mà mỗi mỗi đều biến tương tự, gọi là đồng nhất. Không phải cảnh của tâm vương duyên tâm sở sinh ra gọi là đồng nhất. Đây là nghĩa thứ nhất.

**Luận:** “Hoặc nương Kiến phần”, đến “làm tướng chất của xúc”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai cũng thừa nhận duyên lẫn nhau, hoặc nương Kiến phần đồng tụ tâm tâm sở mà nói không duyên lẫn nhau, vì không có duyên đồng thời với tha Kiến phần. Đây là nương nhân vị, Phật thì không như thế. Nếu nương Tướng phần mà có nghĩa duyên lẫn nhau thì các Tướng phần đó lẫn nhau làm bản chất mới được khởi. Trong bản thức, chủng tử của các pháp làm đồng thời năm chỗ xúc với bản chất của Tướng phần. Đây là hiển sự của nó.

**Luận:** “Không như thế thì không có sắc, nó đáng lẽ không có cảnh”.

Thuật rằng: Nếu không như thế thì không có năm loại tâm sở trong cõi Sắc, đáng lẽ không có cảnh. Nhưng nó đã có cảnh cho nên chắc chắn lấy sở biến của bản thức làm bản chất. Lý của các tâm tâm

sở làm ví dụ đều như thế. Nhưng ý của sư trước mỗi mỗi đều duyên với chủng tử tự sở biến. Nhưng chỉ có chủng tử sở biến của tâm vương có thể sinh hiện hành, không phải sở biến của năm thức. Như nhãn căn không thể sinh ứng dụng của thức. Sư này vấn nạn rằng: Tại sao sở duyên đồng nhất phân làm hai nghĩa? Vì Thức thứ tám và năm tâm sở không có bản chất. Sư trước giải thích: Nếu chắc chắn có bản chất, như Thức thứ sáu khi duyên hư không thì lấy gì làm bản chất? Tâm thứ tám không nương vào cảnh của năm tâm sở mà sinh thì như thế nào là đồng bản chất? Có nói tất cả tâm phải gá vào bản chất mới sinh, như duyên hư không phải nương vào tên để làm bản chất, tâm vương thứ tám lấy sở biến tướng của năm tâm sở để mượn lực do đó làm bản chất mà khởi, gọi là đồng sở duyên.

**Luận:** “Nếu thừa nhận biến sắc”, đến “không đồng bản chất”.

Thuật rằng: Đây là nương vào nhân vị, quả cũng có thể như thế, đến sau sẽ biết. Hiện tại ở đây sư sau, nếu thừa nhận Thức thứ tám của cõi Vô sắc cũng biến các sắc của cõi dưới thì năm tâm sở như bản thức cũng quyết định duyên chủng tử. Không có Thức thứ tám đồng thời với sáu cảnh của Kiến phần, vì không đồng chất. Cảnh của Tự chứng phần thừa nhận không đồng duyên để duyên Tự kiến phần. Hiện tại luận này nương vào sự có thể như thế để nói có bản chất, không phải chủ yếu như thế, nghĩa nên suy nghĩ. Đồng nhất sở duyên tương tự gọi là đồng, vì mỗi mỗi đều biến. Tại sao phải đồng chất mới gọi là đồng? Lại nữa, cảnh của Duy thức nắm lấy cảnh của nội tâm, nếu chờ ngoại chất mới sinh thì e rằng lý trái với Duy thức. Do đó sư trước rất dễ hiểu.

**Luận:** “Đồng thể tướng phần”, đến “chỉ có tăng thượng”.

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ năm. Như một thọ Tướng phần cùng với Kiến phần đồng thể, mong nhau để làm duyên là hai duyên của Kiến phần, nghĩa là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì Kiến phần đối với cảnh không có Sở duyên duyên, chỉ có Tăng thượng duyên. Tướng phần cùng với các phần khác chỉ làm Tăng thượng duyên. Nếu phỏng theo Sở duyên duyên xa thì cũng không phải, vì Tướng phần và Kiến phần không tương tự. Hoặc có thể nói đặc thì do Tướng phần làm duyên mà Kiến phần sinh. Dưới đây là môn nhỏ thứ sáu.

**Luận:** “Kiến phần và Tự chứng phần mong nhau cũng như thế”.

Thuật rằng: Nói rằng Kiến phần cùng với Tự chứng phần cũng như Tướng phần cùng với Kiến phần có thể làm hai duyên, Tự chứng phần và Kiến phần chỉ làm một duyên, như trước đã nói. Kiến phần cùng với phần thứ tư cũng chỉ có một duyên. Đây là căn cứ theo nghĩa

gần, hoặc sở duyên xa cũng được có điều đó. Hiện tại luận này phỏng theo gần mà nói, không có lỗi tương vi.

**Luận:** “Hai phần còn lại lần lượt đều làm hai duyên”.

Thuật rằng: Tự chứng phần và Chứng tự chứng phần làm hai phần còn lại của Kiến phần lần lượt làm hai duyên. Hai phần đó cũng với Tướng phần và Kiến phần chỉ làm Tăng thượng duyên.

**Luận:** “Trong đây không nương”, đến “lẫn nhau làm duyên”.

Thuật rằng: Nhưng Tướng phần trước cùng với Kiến phần làm hai duyên, không nói chủng tử cũng là Tướng phần được làm nhân duyên. Trong đây không nương chủng tử làm Tướng phần mà nói, vì nói hiện hành lẫn nhau làm duyên. Lại nữa, chủng tử làm duyên sinh phân biệt, môn nhỏ thứ nhất trước đã giải thích rồi. Đây là hiện hành nhiệm tàm thức tự nói làm duyên đã xong.

**Luận:** “Tịnh tám thức tự”, đến “có thể duyên khắp”.

Thuật rằng: Tịnh tám thức tự hoặc tự thân hoặc tha thân, hoặc tự tám thức hoặc tha tám thức làm duyên thì đều là tăng Sở duyên duyên, vì tịnh tám thức đều được duyên tha thân và tự thân, được duyên lẫn nhau, tức là tịnh tám thức được duyên lẫn nhau. Tâm tâm sở đồng thời cũng được tự duyên lẫn nhau với đồng thời tâm tâm sở, vì công năng đó hiện ảnh tượng khắp, thức Tự chứng phần và tương ứng pháp kiến phần đồng duyên duyên tự kiến phần. Ngoài ra nghĩa của tịnh tâm sở làm ví dụ cũng như thế. Lại nữa, hoặc có thể duyên Tướng phần của họ nếu không hiện ảnh tượng kia, đáng lẽ không phải biết tất cả. Lại có giải thích, chỗ nói của văn trên không có Kiến phần vì cảnh không đồng chất, tức là Kiến phần của thức với tương ứng Kiến phần quyết định đồng duyên. Thế nào Tự chứng phần và Kiến phần của tương ứng pháp đồng duyên Kiến phần của thức mà không tự duyên? Nếu tự duyên thì cùng với Tự chứng phần có khác gì! Nếu không duyên thì liền trái với văn trên. Hiện tại luận này có hai giải thích:

1. Trước nương nhân vị không phải nương quả vị mà nói. Nương quả vị mà nói là cảnh của Kiến phần cũng không phải đồng. Lại nữa, Kiến phần của các thức cùng với tương ứng pháp cũng quyết định đồng duyên, cũng tự duyên Kiến phần, cũng duyên Tự chứng phần, cùng với Kiến phần và cảnh của tương ứng pháp bằng nhau, nhưng cùng với tác dụng của Tự chứng phần mỗi mỗi khác nhau. Tự chứng phần chỉ có duyên bên trong lại không riêng biến đổi. Kiến phần của nó tự duyên cũng riêng biến đổi. Nhưng Tướng phần nhiếp cùng với tương ứng pháp đồng nắm lấy cảnh bên ngoài. Tương ứng pháp duyên thức đã không

ngoài sự nắm lấy Tướng phần biến đổi riêng. Kiến phần của thức làm ví dụ cũng nên như vậy, cũng không trái với Kiến phần và cảnh trên. Nghĩa này tuy thù thắng nhưng có chút ít khó hiểu.

**Luận:** “Chỉ trừ Kiến phần”, đến “dụng năng duyên”.

Thuật rằng: Hoặc là thông với Phật thuyết. Không phải Kiến phần làm Sở duyên duyên của Tướng phần. Tất cả Tướng phần là cận sở biến gọi là Tướng phần, Tướng phần thì chắc chắn không có năng duyên dụng, như các hóa tâm cũng như thế, vì hóa tâm không duyên, cho nên phần thứ ba và phần thứ tư này cũng không phải tướng sở duyên, vì Kiến phần nhiếp. Trong văn chỉ có Kiến phần không phải cảnh của Tướng phần. Không trừ đồng tụ tâm tâm sở duyên nhau, vì được duyên, tức là hiển Tự chứng phần cũng là sở duyên của Kiến phần, hiện làm duyên của Tướng phần. Như Vô phân biệt trí chỉ là hiện lượng không có ngoại cảnh, cho nên không duyên, không đồng Hậu đắc trí, vì Kiến phần của Hậu đắc trí thì ngược lại duyên với Tự chứng phần; làm duyên của ảnh tượng, vẫn là Tướng phần. Nếu không như thế thì cùng với chứng tự chứng phần không khác nhau, cần gì có bốn phần! Do đó tất cả tâm đều có đủ bốn phần. Hiện tại duyên Kiến phần của tương ưng pháp và duyên Tự chứng phần thì cũng có thể duyên chứng tự chứng phần. Chứng tự chứng phần cũng có thể duyên Kiến phần và Tướng phần. Nhưng tại Phật vị thì ngoài ra đều không được. Trong đây chỉ ngăn trách Kiến phần không phải sở duyên của Tướng phần, nghĩa ngăn trách phần thứ ba và phần thứ tư cũng không phải sở duyên của Tướng phần, có ý hiển ba phần còn lại lẫn nhau duyên tất cả pháp, gọi là duyên khắp. Tuy ở đây giải thích ba phần không khác gì nhau, vì mỗi mỗi tương tự. Như sở đắc ở trước là cận đắc, ngoài ra sở đắc là ảnh tượng đắc cho nên trở thành sai biệt. Lại cũng giải thích như thế, hiện tại chỉ ngăn trách Tướng phần làm năng duyên và Kiến phần không duyên Tự chứng phần. Không phải hiển hai phần còn lại được duyên tất cả. Điều này không giải thích với trước.

**Luận:** “Đã hiện phân biệt”, đến “có thể tạo mấy duyên?”

Thuật rằng: Từ trên đến đây phần thứ nhất là hiện khởi phân biệt duyên, chủng tử và hiện hành của nó mà sinh đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai là thuyết minh chủng tử cũng nên duyên hiện hành và chủng tử của nó mà khởi. Ở đây nói duyên, có nghĩa là duyên dựa vào, không phải nghĩa duyên lự, vì chủng tử cũng là phân biệt nhiếp. Hiện tại luận này giải thích rằng duyên sinh phân biệt, câu hỏi hiện hành và chủng tử mong một chủng tử có thể tạo mấy duyên?



**Luận:** “Chủng tử chắc chắn không do”, đến “lập hai duyên kia”.

Thuật rằng: Chủng tử chắc chắn không có Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên đầy khởi. Vị trí của hai duyên này là ở giữa trong bốn duyên, vì hai duyên này chờ tâm tâm sở làm quả mới có thể sinh. Chủng tử không phải tâm, cho nên không phải quả của hai duyên.

**Luận:** “Hiện đối với cận chủng”, đến “chỉ làm tăng thượng”.

Thuật rằng: Hiện tại là y theo nhân vị. Hiện hành mong tự sở huân chủng tử gần có thể làm hai duyên, tức là nhân duyên và Tăng thượng duyên. Trừ ra Thức thứ tám và Vô ký quá kém trong sáu thức trước, vì không phải năng huân, cùng với phi cận chủng không phân rõ thể. Trừ tự chủng ra thì chỉ có một Tăng thượng duyên.

**Luận:** “Chủng mong cận chủng”, đến “cũng chỉ có tăng thượng”.

Thuật rằng: Trong tất cả vị, chủng tử mong tự chủng gần cũng có đủ hai duyên, trừ hai duyên giữa. Đối với Di tánh không phải cận chủng cũng chỉ có một Tăng thượng duyên. Thô và tế trong đây nên suy nghĩ như lý, căn cứ theo trước để hiển tịnh chủng sau cũng như thế. Văn nói sơ lược, cùng với nhiệm đồng. Trên đây tổng giải thích duyên sinh phân biệt đã nói xong. Tiếp theo sau là phần thứ hai tổng kết có hai đoạn:

1. Tổng kết lỗi.
2. Pháp duyên bên ngoài tâm của Tiểu thừa.

**Luận:** “Y theo thức bên trong này”, đến “tại sao cố chấp?”

Thuật rằng: Nói rằng y theo thức bên trong, hoặc chủng hoặc hiện lẫn nhau làm duyên mà khởi, tất cả phân biệt hoặc nhân hoặc quả, năng sinh, sở sinh đều được thành lập. Tiểu thừa các ông, chỗ chấp duyên bên ngoài tâm, thiết lập có vô dụng, lại trái với lý và giáo, mà cố chấp là sao!

**Luận:** “Tuy nói phân biệt”, đến “đủ rộng phân biệt”.

Thuật rằng: Đây là chỉ sơ lược. Dưới đây giải thích các thứ phân biệt kia, phân biệt ở đây nói chỉ là tâm tâm sở Hữu lậu. Luận Trung Biên nói là hư vọng phân biệt, là tâm và tâm sở trong ba cõi, đây không phải là chấp tâm, nhưng tùy theo thù thắng mà Thánh giáo có nhiều môn để hiển thị có hai, ba bậc. Đến cuối quyển này trong ba tánh sẽ tự giải thích rộng, như trong các luận khác thì cũng có đủ rộng phân biệt. Luận Du-già quyển 38, quyển 73, quyển 74 và luận Hiển Dương đều giải thích như dưới. Lăng-già quyển 5 bộ mười quyển cũng có mười phân biệt. Từ trên đến đây giải thích trong tụng này, thứ nhất y theo tụng giải thích văn, thứ hai rộng giải thích. Trong phần rộng giải thích có hai đoạn:

1. Hỏi duyên sinh phân biệt.
2. Đáp giải thích.

Trong giải thích thì phần đầu giải thích bốn duyên, phần sau thì giải thích sinh phân biệt. Trong sinh phân biệt lại có hai phần:

1. Phân rõ sinh hiện và chủng phân biệt.
2. Tổng kết.

Hoặc trong giải thích trước phân ba đoạn:

1. Lược giải thích tụng.
2. Rộng giải thích.
3. Tổng kết.

Hoặc trong rộng giải thích phân làm ba đoạn:

1. Giải thích bốn duyên.
2. Thuyết minh sinh phân biệt.
3. Rộng phân biệt.

Hoặc trong phần rộng sinh phân biệt này phân làm hai đoạn:

1. Phân rõ sinh.
2. Phân rõ phân biệt.

Ngoài ra giải thích đồng như trước. Ngay trong phần thuyết minh tướng Duy thức, phần đầu là phân rộng tướng riêng của ba năng biến, phần kế các tụng trước thuyết minh Duy thức đã xong. Từ các tụng trước đến đây giải thích các nạn hại, trong đó có hai phần: phần thứ nhất là hai tụng đầu giải thích vấn nạn trái lý, phần thứ hai là năm tụng giải thích vấn nạn trái giáo. Từ trên đến đây một tụng nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai giải thích vấn nạn các hữu tình tương tục sinh tử. Chỗ thuyết minh của tụng trước tuy không có ngoại cảnh, nhưng các phân biệt đều duyên sở sinh không lìa thức bên trong. Người ngoài hỏi:

**Luận:** “Tuy có thức bên trong”, đến “sinh tử tương tục”.

Thuật rằng: Đây là phần đầu gởi vào câu hỏi để phát khởi luận. Tuy biết luận chủ chỉ có thức bên trong, nhưng đã không có thật duyên bên ngoài tâm. Giả nói ngã pháp và tất cả hữu tình đều do pháp nào mà sinh tử tương tục? Nếu không có duyên bên ngoài tâm thì sinh tử không có vấn nạn sinh tử tương tục.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “lại sinh Dị thực khác”.

Thuật rằng: Hai câu trên đáp lý do tương tục, hai câu dưới chánh đáp tương tục. Trong đáp của văn Trường hàng có bốn chữ “lại nữa”, đến văn đó sẽ rõ.

**Luận:** “Các nghiệp gọi là phước”, đến “bất thiện tư nghiệp”.

Thuật rằng: Trong giải thích phần đầu có hai đoạn:

1. Giải thích riêng văn tụng.
2. Tổng kết ý tụng.

Trong giải thích riêng lại phân làm bốn, hai câu trên lại giải thích làm hai đoạn, hai câu dưới hợp chung giải thích làm một đoạn. Tổng đoạn văn thứ tư, chữ “do” của câu thứ nhất, chữ “đã tận” của câu thứ ba, chữ “phục sinh đẳng” của câu thứ tư, hợp chung lại giải thích bài tụng đó. Trong giải thích câu thứ nhất, trước hết giải thích chữ “các nghiệp”, kế đó giải thích “tập khí”, sau đó là tổng giải thích. Vì nghiệp có ba thứ cho nên nói “các nghiệp”. Đây là giải thích nghĩa của nghiệp như quyển 1 đã giải thích. Phước, như luận Đối Pháp quyển 7, quyển 8 và Đại luận quyển 9, quyển 53 giải thích. Phước là sự thù thắng, tự thể và quả đều đáng ưa thích, vì thù thắng. Phi phước là sự không đáng ưa thích, tự thể và quả đều không đáng ưa thích, vì xấu kém. Bất động là không thể chuyển đổi, nghiệp đó nhiều ít trụ một cảnh giới không di động. Lại nữa, lại di chuyển như sinh đắc tán thiện, cũng từ nơi định mà gọi chung là bất động. Luận Đối Pháp ghi: “Thiện nghiệp của cõi Dục trói buộc gọi là phước”. Luận Du-già ghi: “Chiêu cảm Dị thực của nẻo thiện và thuận theo năm nẻo thọ thiện nghiệp gọi là phước”. Trước là nghiệp chung của trời người, sau là nghiệp riêng trong năm nẻo. Nhưng nói trong địa ngục cũng có riêng thiện nghiệp là thọ quả Đẳng lưu, như gió mát chạm thân, nghiệp tương tự riêng biệt gọi là thiện.

Lại nữa, khiến cho các khổ trong địa ngục nhỏ nhẹ thì gọi là thiện nghiệp, như bất đoạn thiện. Lại nữa, phỏng theo sáu đường làm luận, trừ địa ngục ra, lấy phi thiên thì năm nẻo có thiện nghiệp quả. Phi phước nghiệp, như luận Du-già ghi: “Nghĩa là cảm Dị thực của đường ác và thuận Dị thực của năm nẻo”. Phần trước là nghiệp chung của ba đường ác, phần sau là nghiệp riêng của ba đường ác. Bất động là chiêu cảm Dị thực sắc, cõi Vô sắc và thuận theo cõi Sắc và cõi Vô sắc thọ nghiệp. Phần trước là nghiệp chung, phần sau là nghiệp riêng. Luận Đối Pháp ghi: “Hỏi: Tại sao nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc gọi là bất động? Đáp: như các nghiệp và nẻo khác trong cõi Dục, nếu gặp duyên chuyển thì đắc thú xứ khác mà thọ. Nghiệp kia thì không như thế, quyết định ở tự xứ mà thọ. Hỏi: Tại sao như thế? Đáp: Vì chỗ nhiếp của định, không phải đồng với tán nghiệp. Hỏi: Nếu như thế thì tại sao huân tập Thiền cõi dưới mà sinh Ngũ tịnh cư, cho nên giải thích này sai? Đáp: Lại nữa, định địa nhiếp gọi là bất động, vì định có thể trụ vào một cảnh. Vả lại chữ “phước” đó đáng lẽ thông thiện của ba cõi, vì thiện nghiệp cõi trên riêng có thù thắng có thể gọi là bất động. Thiện nghiệp của cõi Dục thì

riêng được tổng danh, nhưng trong bất động thuận thọ nghiệp riêng. Luận Du-già ít có sự khác biệt, như trong Sơ sao của nó giải thích. Nhưng ba nghiệp này thông với thân, ngữ và ý. Ý nghiệp thông với ba cõi, thân và ngữ chỉ có hai Địa, vì có tâm tứ. Thể tánh này tức là hai tư của Hữu lậu thiện và bất thiện làm thể của nghiệp này. Xem qua thân và ngữ thì động tác của thân và ngữ gọi là nghiệp, thân và ngữ chỉ có Vô ký, không phải thiện và ác tánh, cho nên chỉ lấy tư làm thể. Hành vi trong đây chỉ lấy tư làm nghiệp, cho nên hành vi vẫn còn.

**Luận:** “Quyển thuộc của nghiệp cũng lấy tên của nghiệp này”.

Thuật rằng: Tức là tánh của năm uẩn. Luật nghi của thiện và bất thiện thật ra là quyển thuộc của nghiệp, ngoài ra có thể biết. Có ý gì mà quyển thuộc cũng gọi là nghiệp?

**Luận:** “Vì đồng chiêu dẫn đầy quả Dị thực”.

Thuật rằng: Vì đều cùng với nghiệp đồng chiêu dẫn đầy quả Dị thực. Không đồng Tiểu thừa có đủ mười tùy chuyển, không có thật bốn tướng của đời quá khứ và vị lai. Quả chung và quả riêng này như quyển 2 đã rộng giải thích đủ. Từ trên đến đây nói khi mới làm tức là hiện khởi pháp, nếu Dị thực nhân không phải là thọ quả, hiện đã lâu diệt thì làm sao cảm quả, vì không có quá khứ và vị lai? Để đáp câu hỏi này cho nên luận tiếp theo.

**Luận:** “Pháp này tuy mới khởi”, đến “coi là quả Dị thực”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích tập khí. Nghiệp này hiện hành tuy vừa mới khởi thì đã trở thành Vô gián mà liền diệt mất. Không có nghĩa lý nào khác, có thể như Tát-bà-đa tuy dụng hiện tại không có thể quá khứ, để chiêu cảm Chân quả Dị thực của vị lai, như thế thì thế nào?

**Luận:** “Mà huân bản thức”, đến “nói là tập khí”.

Thuật rằng: Nghiệp hiện hành trong khi đang tạo thì sự huân tập đối với bản thức đầy khởi công năng của tự nghiệp. Công năng tức là tập khí trong tụng nói. Tại sao gọi là tập khí?

**Luận:** “Là khí phần của nghiệp”, đến “cho nên gọi tập khí”.

Thuật rằng: Là khí phần của nghiệp. Giải thích chữ “khí” là do sự huân tập hiện tại làm thành. Giải thích chữ “tập”, là nghiệp này huân thành bất đồng, vô tâm kế chấp nghiệp đều chỗ tạo tác của đời trước, đều là đã từng có. Nghiệp của Hóa địa bộ nhập vào quá khứ hiện tại đều có thể. Lại nữa, tập khí này tức là nghiệp đã từng có và có thể trong quá khứ của Tát-bà-đa bộ, và lựa riêng với Thuận thế ngoại đạo nói tất cả quả chỉ có chỗ đắc của nghiệp hiện tại khi tạo tác, tức là thọ. Hiện

tại luận này lý của tập khí thì không như thế, vì do quá khứ Vô gián diệt hiện hành huân tập. Chủng tử của niệm niệm trước diệt thì chủng tử sau sinh và hằng có trong hiện tại, cho nên lựa riêng với nó nhiều đời có ứng dụng đối với đời quá khứ hiện hành có thể của nghiệp, tức là không phải chủng tử này khi tạo tác thì liền thọ quả, sau đó hoặc một đời nhiều năm, hoặc nhiều đời mới thọ quả, cho nên lựa riêng với khi hiện tại tạo nghiệp thì liền thọ quả. Do nghĩa này mà có giải thích kỹ và có ngăn trách, cho nên gọi là tập khí, tức là giải thích hai chữ “tập khí” trong tụng. Tổng hợp giải thích trên đây để giải thích bốn chữ cuối câu thứ nhất đã xong.

**Luận:** “Như vậy tập khí”, đến “Tăng thượng duyên thù thắng”.

Thuật rằng: Thiện và bất thiện nghiệp này có thể cảm chiêu hoặc quả riêng Dị thực hoặc quả riêng Dị thực trong vị lai, Tăng thượng duyên thù thắng không phải đồng tánh, không phải thể của cận năng biện quả sinh. Tiếp theo giải thích hai thủ, ở đây có tám giải thích.

**Luận:** “Tướng kiến gọi là sắc”, đến “đều thuộc về hai thủ”.

Thuật rằng: Hai thủ có tám giải thích:

1. Một là Tướng phần và Kiến phần gọi là thủ. Thật năng thủ và thật sở thủ này gọi là hai thủ.

2. Hai là nắm lấy danh và sắc. Sắc là sắc uẩn; danh là bốn uẩn còn lại, tức là chấp thủ năm uẩn làm ngã. Trước nói trong tướng cũng thông với chấp thủ Vô vi, vì làm bản chất. Hiện tại luận này chỉ hiển thủ gần sở duyên, không phải năng duyên đặc pháp ngoài tâm. Lại nữa, biến ảnh tướng phần của vô vi cũng gọi là sở nhiếp, vì không lìa tâm.

3. Ba là nắm lấy tâm và tâm sở, vì tất cả pháp năm uẩn không lìa hai tâm này.

4. Bốn là nắm lấy gốc và ngọn, tức là nắm lấy quả hiện tại, Thức thứ tám là căn bản của các Dị thực, cho nên gọi đó là gốc, ngoài ra các Dị thực trong thức đều gọi là ngọn, là quả ngọn của Thức thứ tám, tức là chấp thủ hai Dị thực. Nói rằng ái lạc nắm lấy duyên thủ, hoặc tổng báo phẩm của Thức thứ tám gọi là gốc, biệt báo phẩm của các thức còn lại gọi là ngọn, vì nhiếp hết tất cả pháp, nhưng lựa riêng với Dị thực, vì rất hẹp.

5. Thủ thứ năm là bốn thủ trên tức là một thủ. Thông với bốn xứ là đơn thủ; và thông với bốn thủ trên là trùng thủ.

Nói rằng Hữu thủ thủ là thủ của năng thủ và sở thủ thứ nhất trên, như tâm trùng duyên, ba thủ sau cũng như thế, cho nên có tám giải thích. Tám giải thích này đều là chỗ nhiếp của hai thủ, tức là sự chấp

thủ của hiện hành. Hoặc bốn thủ trước là cảnh, thủ năng thủ kia chỉ có bốn. Thế nào gọi là tập khí?

**Luận:** “Sở huân và phát kia”, đến “gọi là hai thủ tập khí”.

Thuật rằng: Tức là tám chỗ huân và phát kia, cận năng sinh tám sở huân phát kia trên công năng của Thức thứ tám gọi là hai thủ tập khí, tức là tám thứ trước đều có đủ hai nghĩa gọi là tập khí, đều có nghĩa sở sinh và năng sinh. Gốc và ngọn hoặc giải thích là Dị thực, nắm lấy làm sở thủ cho nên cũng có đủ hai nghĩa, tức là danh ngôn và chủng tử đều do hai thủ mà sinh, cho nên có thể sinh bản thức. Đây không phải là thiện và bất thiện, chỉ là chủng tử của Vô ký cận sinh. Hai thủ trong đây thông với chỗ huân tập của bảy thức, tùy chỗ thích đáng của nó mà sinh Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám. Chữ “hai thủ” này muốn hiển nghĩa gì?

**Luận:** “Đây là hiển đời vị lai”, đến “các nhân duyên chủng”.

Thuật rằng: Đây là hiển quả Dị thực tâm của đời vị lai và tâm tương ưng pháp, mỗi mỗi đều mong tự quả làm cận năng sinh quả của nhân duyên chủng tử, lựa riêng với nghiệp chủng trước, tức là hiển danh ngôn chủng tử sinh quả vô tận, tùy chỗ muốn sinh thì liền có thể sinh, vì tâm làm chủ, chỉ nói sinh tâm, thật ra thông với năm uẩn. Đây là nói đời vị lai, hoặc một phần vị ba đời, hoặc sinh tử ba đời có thể biết. Giải thích bốn chữ trên của câu tụng thứ hai đã xong.

**Luận:** “Đều gọi là nghiệp chủng”, đến “nghĩa là tương trợ nhau”.

Thuật rằng: Trong tụng nói chữ “đều” là chỉ cho các nghiệp trước cùng đồng thời với chủng tử của hai thủ, tức là đồng thời cảm chiêu sinh quả. Không phải như Dị thực nhân quả của Tiểu thừa chắc chắn không đồng thế gian, khi tạo tác hoặc khi thọ quả tuy thế gian không đồng, nhưng khi chủng tử chánh thọ quả thì chắc chắn cùng với quả đồng thế gian, vì đời quá khứ và vị lai không có thể tánh.

Hỏi: Đối với sinh quả vị gần là nhân duyên, hoặc nói sức cảm quả có thể thù thắng chỉ là nghiệp chủng, hoặc hai chủng đã đồng thời. Tại sao trong tụng trước đã nói nghiệp chủng, sau mới nói nhân duyên?

**Luận:** “Nghiệp chiêu cảm sinh mà hiển cho nên tụng nói trước”.

Thuật rằng: Nghiệp chiêu cảm sinh mà hiển, vì do nghiệp cảm sinh thù thắng, là hiển cho nên tụng nói trước, không phải nhân duyên. Giải thích năm chữ trong câu thứ hai đã xong.

**Luận:** “Dị thực trước”, đến “nghiệp quả Dị thực”.

Thuật rằng: Chỗ nói Dị thực trước trong tụng, là quả Dị thực của

tiền tiền sinh nghiệp. Quả Dị thực là hiển thông cả chung và riêng, vẫn tưng hợp cho nên chỉ nói Dị thực, nhưng ý cũng có thông. Vì nghiệp của đời quá khứ là nhiều đời, đồng một thân mà được thọ quả, là quả Dị thực tiền tiền sinh nghiệp. Lại nữa, Dị thực của tiền tiền sinh nghiệp không phải chỉ có một đời cho nên gọi là tiền tiền. Lại nữa, Dị thực trước thể không phải một, sau cũng như thế. Đã trong câu thứ ba không giải thích hai chữ cuối. Giải thích câu thứ tư, trước hết giải thích ba chữ sau. Nói rằng ngoài chữ “Dị thực” ra, sẽ giải thích chữ “đã hết” của tưng.

**Luận:** “Tuy hai thủ chủng”, đến “tánh đồng dễ cảm”.

Thuật rằng: chủng tử của hai thủ thọ quả vô cùng. Nhiếp Đại Thừa quyển 3 ghi: “Không có tướng thọ tận”. Tập khí của nghiệp thì có tận, luận kia nói là có tướng thọ tận, tại sao vậy? Là do quả Dị thực:

1. Tánh riêng, là cùng với tánh của nghiệp khác nhau, không thu-  
ận lẫn nhau.

2. Hai khó chiêu cảm nghiệp, tuy chiêu cảm được thì quả chắc chắn trong đời khác mới chín, cho nên tập khí của nghiệp có tận, cũng như cỏ ngâm chìm trong nước bị rửa nát mục chết.

Quả Đẳng lưu và quả tăng thượng của nó:

1. Tánh chung, thể tánh thuận nhau.

2. Dễ cảm, vì đồng thời sinh. Niệm này khi huân tập xong thì liền có thể sinh quả, cho nên chủng tử của hai thủ dễ cảm quả.

Hỏi: Tại sao làm Đẳng lưu? Cái gì làm tăng thượng?

Đáp: Tăng thượng thì rộng, nhưng Đẳng lưu thì cần tăng thượng. Đẳng lưu là chủng tử cùng với hiện hành và tự chủng làm câu sinh đồng loại nhân. Tăng thượng thì lại càng không có riêng thể, tức là tánh Đẳng lưu. Lại nữa, giải thích là quả Đẳng lưu cho nên tánh đồng. Là quả tăng thượng cho nên dễ cảm, vì có đủ hai quả cho nên có đủ hai nghĩa. Lại nữa, chủng tử mong hiện hành là tăng thượng, mong tự loại chủng là Đẳng lưu. Nghiệp chủng mong hiện hành của nó cùng với chủng đều là Dị tánh cho nên chỉ là Dị thực.

Từ trên đến đây đã riêng giải thích văn tưng, dưới đây sẽ giải thích ý tưng, gồm giải thích chữ “do” của câu thứ nhất, hai chữ “đã hết” của nó câu thứ ba và chữ “sinh lại” của câu thứ tư.

**Luận:** “Do cảm các đời khác”, đến “còn lại quả Dị thực”.

Thuật rằng: Do cảm chủng tử nghiệp chín muồi của đời vị lai khác thì quả Dị thực trước trong thân hiện tại khi thọ dụng đã hết, tức là thân này đang ở vị lâm chung. Nghiệp chín muồi của thân kia lại có thể riêng sinh khởi các quả sau, tức là khi các quả trước đã hết, chủng

tử nghiệp quả sau chín thì quả Di thực của nó mới được sinh, cho nên sinh tử không dứt. Do cảm đời khác, giải thích chữ “do”. Do là nguyên do, lý do. Khi quả trước đã hết, giải thích chữ “đã hết”, lại riêng sinh các quả, giải thích chữ “sinh lại” của quả Di thực khác. Dưới đây tổng kết đáp các vấn nạn.

**Luận:** “Do sinh tử này”, đến “mới được tương tục”.

Thuật rằng: Do chỗ nói nghiệp quả vô tận này, sinh tử tương tục luân chuyển vô cùng, làm sao giả mượn duyên bên ngoài tâm mà sinh tử tương tục được! Đây là đáp tổng kết.

**Luận:** “Ý của tụng này nói”, đến “làm tánh của nó”.

Thuật rằng: Tổng kết ý tụng này. Do nghiệp và hai thủ làm duyên làm nhân, cho nên sinh tử luân hồi đều không lìa thức. Không phải pháp ngoài tâm khiến cho sinh tử tương tục, vì nghiệp và hai thủ không lìa tâm. Tâm sở mà đặc tương tục thì làm thể tánh của nhân quả sinh tử.

**Luận:** “Lại nữa, sinh tử tương tục”, đến “tổng có ba chủng”.

Thuật rằng: Đây là “lại nữa” thứ hai, giải thích tụng đáp câu hỏi. Trong đó có ba phần:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Chỉ ví dụ.

Ba thứ tập khí này tức là ba chủng tập khí trong Nhiếp luận quyển 3, quyển 4.

**Luận:** “Một là danh ngôn tập khí”, đến “mỗi mỗi khác cận chủng”.

Thuật rằng: Giải thích riêng có hai đoạn:

1. Giải thích riêng ba tánh.
2. Phối hợp thuộc tụng.

Chỉ có danh ngôn này phân làm hai chủng nhiếp hết tất cả tập khí của các pháp. Đây là ba tánh nhân duyên của các pháp, luận kia thì chỉ có ngôn thuyết huân tập.

**Luận:** “Danh ngôn có hai”, đến “âm thanh sai biệt”.

Thuật rằng: Chỉ có Thức thứ sáu có duyên tên của nó, có thể phát âm tên của nó, ngoài ra đều không duyên cũng không thể phát âm, tức là chỉ có sự sai biệt của thuyên nghĩa âm thanh. Lựa riêng với phi thuyên biểu thanh, vì nó không phải tên gọi, tên gọi chỉ có Vô ký. Luận Du-già quyển 72 trong năm pháp ghi: “Tự tánh của âm thanh chỉ có Vô ký”. Nhưng âm thanh có tiêu biểu là nghiệp tánh nhiếp, lấy năng biểu tư danh làm ba tánh, thể chỉ có Vô ký, tên gọi không phải là



nghiệp tánh, cho nên từ âm thanh vốn nói là Vô ký. Nhưng tên gọi là do sự sai biệt gây khúc âm thanh, chỉ có tánh Vô ký, không thể huân tập thành các chủng của sắc và tâm, nhưng do tên gọi cho nên tâm tùy theo tên gọi của nó mà biến tợ ba tán pháp của năm uẩn mà huân tập thành chủng tử. Do tên gọi khởi chủng mà gọi là danh ngôn chủng, tất cả chủng tử huân tập đều do tâm và tâm sở. Tâm tâm sở huân tập chủng có nương theo duyên bên ngoài, cũng có không nương theo duyên bên ngoài. Không nương theo duyên bên ngoài thì gọi là hiển cảnh danh; hoặc nương duyên bên ngoài thì gọi là biểu nghĩa danh. Vì phân ra hai thứ riêng biệt, nhưng tự thể của tên gọi không thể huân thành chủng.

Hỏi: Như duyên năm cảnh mà huân tập các chủng tử cũng nương vào duyên bên ngoài, tại sao không nói do nghĩa mà huân tập?

Đáp: Cảnh không phải là thắng duyên, do nơi cảnh mà tâm huân tập, chỉ có sở nhiếp của hiển cảnh có pháp năng thuyên, khiến cho nương theo đó mà khởi chấp lưu chuyển sinh tử, liên đới với dụng thù thắng này làm duyên mà huân tập, lập biểu nghĩa danh ngôn huân tập. Lại nữa, danh của tất cả pháp là trước tướng, vì danh bên trong phát ra ý nghĩa để chiêu gọi pháp là thù thắng. Chỉ nói nương tên gọi mà không nói nương vào cảnh, hoặc nương Vô lậu danh huân chủng tử, đây là chỉ có Vô lậu thiện. Bên trong tên gọi làm duyên huân tập năm uẩn chủng, tâm biến tương tợ. Tuy cũng nương vào các câu mà thành huân tập, tổng nói là danh thuyên chiêu gọi các pháp là tối thắng, từ thắng đặt điều kiện, chỉ nói danh ngôn huân tập. Danh ngôn thêm bớt mà nhiếp câu và chữ.

**Luận:** “Hai là hiển cảnh danh ngôn”, đến “tâm pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Tức là tâm pháp tâm sở năng liễu cảnh, tức là Kiến phần tâm của tất cả bảy thức trước, không phải Tướng phần tâm, vì không thể hiển cảnh. Kiến phần này thật ra không phải danh ngôn, như ngôn thuyết gọi là hiển sở thuyên pháp. Tâm và tâm sở này có thể hiển sở liễu cảnh cũng như Kiến phần kia, cho nên gọi nó là danh. Thể không phải danh, thể của danh là Bất tương ưng hành kia. Lại nữa, như bốn uẩn gọi là thể của danh tức là danh vì có thể hiển nghĩa. Trong luận Du-già quyển 56 ghi: “Thuận theo thú các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, nương vào ngôn thuyết gọi là phân biệt chủng chủng nghĩa của sở duyên cảnh. Bốn uẩn gọi là danh, thông với ba tánh chủng tử của Kiến phần và Tướng phần. Cảnh từ Kiến phần mà nói thì cũng gọi là danh, vì là sở liễu của các liễu cảnh tâm, tức là thông với Hữu lậu và Vô lậu của ba cõi, tức là nhiếp hết tất cả pháp Hữu vi”. Nhiếp luận chỉ căn cứ

theo ngôn thuyết danh chỉ có Hữu lậu.

**Luận:** “Tùy hai danh ngôn”, đến “mỗi mỗi đều khác nhân duyên”.

Thuật rằng: Tùy theo hai thứ danh ngôn làm duyên huân tập năm uẩn chủng cận biện thể trong Tướng phần.

**Luận:** “Hai tập khí của ngã chấp”, đến “chủng của ngã và ngã sở”.

Thuật rằng: Đây là khiến cho tự tha thành sự sai biệt của nó, thông với Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, không phải như Nhiếp luận chỉ nói Thức thứ bảy.

**Luận:** “Một là câu sinh ngã chấp”, đến “tự tha sai biệt”.

Thuật rằng: Nhân theo ngã chấp cho nên trong Tướng phần cũng huân tập năm uẩn chủng, tức là danh ngôn huân tập. Do huân tập chủng tử ngã chấp này mà khiến cho tự tha sai biệt, cho nên lập riêng. Phần đầu thông với Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, phần sau chỉ có Thức thứ sáu. Văn đó dễ hiểu, không cần nhọc sức giải thích.

**Luận:** “Ba là tập khí của hữu chi”, đến “đường thiện đường ác khác nhau”.

Thuật rằng: Có nói về ba hữu. Chữ “chi”, nghĩa là nhân, nghĩa là phần, tức là ba hữu có nhân sinh đường thiện và đường ác sai biệt, thông Thức thứ sáu đều có huân tập này, các chi khác có thể biết. Nhưng chỗ nói chữ “chi” trong bất thiện là hiển ác nhiều hơn thiện, khiến sinh chán, khiến cho năm nẻo riêng do nghiệp lực.

**Luận:** “Phải biết ngã chấp”, đến “là Tăng thượng duyên”.

Thuật rằng: Hai thứ sau đây mong quả Dị thực, là Tăng thượng duyên, vì Dị tánh. Chỗ huân thành chủng của Tướng phần ngã chấp, tuy tạo nhân duyên Cận sinh bản thức và chủng tử Kiến phần, khiến cho đó tự tha sai biệt, cho nên thành tăng thượng. Trong danh ngôn chủng cùng với quả Dị thực làm nhân duyên cận sinh, Hữu chi làm Dị tánh của Tăng thượng duyên. Chủng tử ngã chấp làm Tăng thượng duyên khiến cho tự và tha sai biệt. Đây là Kiến phần chấp chủng tử. Hoặc chủng tử Tướng phần cũng được cận sinh, ý văn cũng như ở đây:

Thứ nhất là ngôn thuyết danh, chỉ có cõi Dục và Sơ định, vì có tầm tứ, sự huân tập đến định thứ tư đều đắc, vì nương tên gọi mà khởi huân tập, hoặc thông với Vô sắc, vì chữ Thiên vô sắc là chỗ nghe Phật pháp, hiển thị danh ngôn của cảnh huân tập thông ba cõi chín Địa. Hữu chi và ngã chấp cũng đều thông ba cõi.

Thứ hai là danh ngôn huân tập thông ba tánh, hữu phần huân tập

chỉ có thiện và bất thiện. Ngã chấp huân tập thông Hữu phú và Bất thiện. Câu sinh chỉ có Hữu phú, phân biệt thông với bất thiện.

Thứ ba là biểu nghĩa danh ngôn chỉ có huân tập của Thức thứ sáu duyên. Hiện cảnh danh ngôn thông với bảy thức trước, vì Thức thứ tám không huân tập. Hữu chi thông với sáu thức trước, vì có thiện tánh và ác tánh. Ngã chấp chỉ có Thức thứ sáu và Thức thứ bảy. Thức thứ bảy chỉ có câu sinh, Thức thứ sáu thì thông với phân biệt.

Thứ tư là hai huân tập sau chỉ có Hữu lậu, danh ngôn huân tập thông với Vô lậu. Vô lậu cũng nương vào biểu nghĩa danh ngôn và hiện cảnh danh ngôn mà huân thành chủng. Nhiếp luận chỉ phỏng theo biểu nghĩa danh ngôn Hữu lậu mà nói, đây là nói tận lý.

Thứ năm là vị thứ, danh ngôn huân tập chỉ trừ ra Phật vị.

Thứ sáu là thứ Hữu lậu đến Địa thứ tám. Ngoài ra Thức thứ sáu và các Vô lậu thông với Thập địa. Hữu chi không phải Thánh, vì Thánh không tạo nghiệp. Nếu tạo nghiệp riêng thì không gọi là hữu chi, không phải hành chi cho nên là chỗ nhiếp của danh ngôn, hoặc loại tùy nhau cũng là hữu chi nhiếp. Phân biệt ngã chấp chỉ có tư lương vị của Dị sinh dấy khởi. Thánh thuyết thì không chung với trong vô minh, vì Dị sinh cũng không có. Câu sinh ngã chấp trừ Nhị thừa vô học, Bồ-tát Địa thứ tám trở lên cho đến Như Lai. Đây là giải thích riêng về ba tập khí, trở xuống phối hợp thuộc về tụng.

**Luận:** “Chỗ nói của tụng này”, đến “tập khí của hữu chi”.

Thuật rằng: Vì ba thứ huân tập tức là tập khí của tụng này. Chỗ nói nghiệp tập khí trong tụng này tức là tập khí của hữu chi trong ba thứ này.

**Luận:** “Hai thủ tập khí”, đến “đều gọi là thủ”.

Thuật rằng: Tức là nắm lấy ngã chấp và nắm lấy danh ngôn để làm cảnh giới, nhưng chỗ huân thành hai chủng tập khí đều gọi là thủ, nắm lấy hai thứ này cho nên gọi đó là thủ, không phải thể hai thứ này tự huân tập được mà gọi là thủ. Đây là giải thích ba tập khí trong hai câu trên của tụng.

**Luận:** “Đều đồng với nghĩa của văn còn lại, giải thích như trước”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa của chữ “câu” và nghĩa của tập khí, có nghĩa là trước diệt hết rồi sau mới sinh, như sự trước giải thích. Chữ “đồng” trong đây không đưa riêng ra, hoặc hữu dị đều là giải thích riêng. Các nghĩa sau căn cứ theo đây mà biết. Nhưng sự huân tập này là mười một thiện nhiếp nhau phân bằng, đều như lý mà biết. Chữ “lại

nữa” thứ ba lấy mười hai chi giải thích tụng.

**Luận:** “Lại nữa, sinh tử tương tục do hoặc nghiệp khổ”.

Thuật rằng: Trong đó có hai phần:

1. Giải thích khắp hoặc nghiệp khổ thuộc văn giải thích luận.
2. Lấy hữu chi giải thích hoặc nghiệp khổ.

Trong phần đầu có ba đoạn:

1. Tổng nêu sinh tử do hoặc nghiệp khổ.
2. Giải thích riêng hoặc nghiệp khổ.
3. Chỉ cho thấy các văn ví dụ khác.

Đây là phần đầu. Hoặc nghiệp khổ, ba thứ này đáng lẽ đến phần thứ hai mới giải thích hoặc của nó, nhưng tùy theo sự phát nghiệp thứ lớp mà nói, cho nên ở đây không đảo lại.

**Luận:** “Phát nghiệp nhuận sinh”, đến “các khổ gọi là khổ”.

Thuật rằng: Phần thứ hai là giải thích riêng. Có thể cảm Hữu lậu của các nghiệp sau gọi là nghiệp, tức là thông với tất cả nghiệp của tổng báo, biệt báo, hiện báo và hậu báo. Trừ ra nghiệp Vô ký và nghiệp Vô lậu đều gọi là nghiệp vì có thể cảm Dị thực sinh. Hoặc là phát nghiệp và nhuận sinh phiền não, là tất cả phân biệt phiền não của cõi Dục trong luận Đối Pháp quyển 4, đều có thể phát nghiệp, đều là bất thiện, vì mặc tình tùy ý có thể phát ác hạnh, cũng là bất thiện, tức là ngã kiến và biên kiến của trình độ Tu đạo, và hoặc này tương ứng với tham, mạn và vô minh, không phải bất thiện.

Từ trên đến đây là nói về pháp số, nhưng trong kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Do dục và ái tạo các phước hạnh”, tìn của nó làm chỗ nương mà tạo hạnh này, từ sinh tử khởi quyết định tìn thì ái này và thủ đều do tìn nhiếp phục, ngã lập ra làm Hữu phú vô ký, hoặc pháp cõi Dục Hữu phú vô ký thì đối với sự phát hạnh không có công năng thù thắng, lấy văn này làm chứng, cho nên lìa câu khởi pháp của ngã kiến cũng có Vô ký của độc đầu ái, tức là duyên Hữu lậu sau để khởi ái và nhuận sinh ái. Hoặc ngoài các bốn hữu vị khác khởi thì các ái này cũng là không phát nghiệp, trừ vô minh của các cõi trên phát nghiệp ra thì tất cả ái khác không phát nghiệp hoặc. Ngoài ra đều là phát nghiệp hoặc trong đây nhiếp. Ngoài ra còn các Hữu phú khởi theo là nhuận sinh nhiếp, nếu trợ giúp phát nhuận thì thông với tất cả, trong khổ thì nhiếp ba khổ và tám khổ. Vô ngã dễ hiểu.

**Luận:** “Chủng tử của hoặc nghiệp khổ đều gọi là tập khí”.

Thuật rằng: Trước hết nói hiện hành chủng tử này, tức là tập khí của hiện hành.

**Luận:** “Hai tập khí trước”, đến “cận sinh khổ”.

Thuật rằng: Lấy ba chủng mong quả mà đàm luận về sự xa gần của nó. Hiện tại hai chủng tử của hoặc và nghiệp trong ba thứ hoặc nghiệp khổ này không phải tánh Dị thực và quả Dị tánh, mà chỉ có Tăng thượng duyên trợ sinh khổ. Chỉ làm thế lực dẫn, không phải chánh cận sinh, cho nên chủng tử của khổ và sinh tử khổ làm chánh nhân duyên, vì thế năng biện sinh khổ gần.

**Luận:** “Ba tập khí của tụng, như tùy ứng nên biết”.

Thuật rằng: Chủng tử của hoặc và khổ gọi là hai thủ, chủng tử của nghiệp có thể biết, cho nên nói là tùy ứng.

Hỏi: Tại sao hoặc khổ trong đây gọi là thủ, nghiệp thì không gọi là thủ?

**Luận:** “Hoặc nghiệp gọi là thủ vì năng thủ và sở thủ”.

Thuật rằng: Đây là giải thích được tên của nó. Hoặc là năng thủ, vì tánh nhiếp dính. Khổ là sở thủ, vì nhiếp chỗ dính.

**Luận:** “Thủ là nghĩa dính, nghiệp không được tên”.

Thuật rằng: Giải thích này chỉ có nghiệp là không được tên thủ. Thế gian hữu tình phần nhiều trong hiện quả mà khởi chấp dính mắc ngôn ngữ. Hiện tại luận này là ngã và ngã sở nhiếp, tức là năng chấp trước và sở chấp trước gọi là thủ. Hữu tình thế gian phần nhiều không đối với nghiệp khởi chấp trước, như có chấp ngã mà trở thành tác giả là ngã và vật. Thuyết trước cho thủ là nghĩa nhiếp trước, vì đối với nghiệp không khởi nhiều nhiếp trước.

**Luận:** “Đều đồng với nghĩa của văn còn lại, giải thích như trước”.

Thuật rằng: Một là căn cứ theo nghĩa trước có thể biết. Nhưng hoặc nghiệp khổ trong đây nhiếp hết tất cả hoặc nghiệp khổ, tức là tổng môn.

**Luận:** “Hoặc nghiệp khổ này”, đến “như luận giải rộng”.

Thuật rằng: Phần thứ hai biệt giải mười hai hữu chi, trong đây lấy nhiếp chung mười hai chi riêng.

Hỏi: Tại sao biết mười hai chi là riêng, nhiếp chung hoặc nghiệp khổ không hết hay sao?

Đáp: Nếu trừ vô minh, ái, thủ trong đây thì còn lại là tất cả hoặc. Trừ chánh cảm hạnh của đời sau thì còn lại là biệt báo hạnh, gồm biệt báo thể, hoặc thân hạnh của bậc Thánh và các khổ không phải mười hai chi. Ngay trong giải thích mười hai chi có ba đoạn:

1. Lấy hoặc nghiệp khổ tổng nhiếp mười hai chi, tức là đoạn văn

này.

2. Thuyết minh rộng mười hai hữu chi, tức là luận nói mười hai chi này lược nhiếp làm bốn, là văn chi năng dẫn trở xuống.

3. Tổng kết chi quy về hoặc nghiệp khổ, tức là luận dưới đây nói do hoặc nghiệp khổ là mười hai chi, điều này có thể khiến cho sinh tử tương tục.

Hiện tại trong luận này nhiếp mười hai chi hoặc nghiệp khổ, chỉ như các luận khác rộng giải thích, tức là luận Du-già quyển 9, quyển 10, quyển 93; luận Đối Pháp quyển 4; luận Thập Địa quyển 8 và luận Thập Nhị Nhân Duyên của Thiên Thân tạo. Nhưng trong kinh Duyên Khởi cũng thuyết minh rất rộng, văn phụ đưa ra giải thích dưới đây trong luận này không có. Mười hai chi này lại còn lược lấy mười môn để giải thích:

1. Nêu tên chi, phân rõ thể chung và thể riêng.
2. Thuyết minh chung, riêng, tên gọi, nghĩa, được tên của chi.
3. Nguyên nhân thứ tự.
4. Nghiệp dụng chung riêng.
5. Nhân quả sai biệt.
6. Chi lẫn nhau làm duyên bốn câu liệu giản.
7. Năng dẫn sinh và sở dẫn sinh các luận đối chiếu và giải thích.
8. Phế lập và tăng giảm giải thích các vấn nạn và điều hại.
9. An định thế gian và phá tà.
10. Giải thích phân rõ các môn.

Văn của luận có bốn phần:

1. Năng dẫn sinh và sở dẫn sinh.
2. Giải thích phương hại.
3. An định thế gian.
4. Phân rõ các môn.

Môn thứ nhất là nêu tên chi, phân rõ thể chung và thể riêng. Nêu tên thì đã biết rồi, tương và phân biệt trong tổng năm sự. Trong ba tánh chỉ có tánh Y tha, một phần thủ uẩn, xứ và giới làm thể, vì thể tánh riêng khác. Dưới đây giải thích mười hai chi:

1. Một là vô minh chi, vì vô minh trong hành uẩn làm thể, không nắm lấy các pháp khác. Làm sao biết được? Kinh Duyên Khởi ghi: “Ban đầu vô minh có mười một thù thắng không phải các pháp khác”. Đại luận quyển 9 ghi: “Lấy bảy Vô tri làm vô minh chi”, cho nên chỉ nắm lấy vô dụng, không nắm lấy các pháp khác.

Hỏi: Nếu như thế tại sao luận Đối Pháp quyển 4 ghi: “Vô minh và

hành được làm nhân duyên, vô minh đồng thời với chủng tử của tư gọi là vô minh chi?”

Đáp: Không đúng, vì đó không phải nhân duyên, luận này giải thích rằng: “Vô minh đồng thời với tư giả thuyết là vô minh, thật ra không phải chi này nhiếp”. Do giả thuyết đó là hành nhân duyên, thật ra không phải nắm lấy các pháp làm thể của chi này. Đại luận quyển 10 và luận này nói là một sự, cho nên không nắm lấy các pháp khác. Lại nữa, các luận kia và luận này đều nói chánh phát nghiệp chỉ là vô minh, ngoài ra là trợ giúp cho nên không nắm lấy. Không phải như Tiểu thừa chi phỏng theo phần vị mà phân biệt, ở đây thì các vô tri có mười, chín, bảy, năm, và sáu chủng tử. Như Đại luận quyển 9 ghi: “Vô minh chi này riêng có thật tánh”.

Hỏi: Làm sao biết?

Đáp: Trong mười hai chi giả và thật dưới đây nói là thật. Đại luận quyển 10 cho đến quyển 56 trong duyên khởi thiện xấu đều nói là thật. Lại nữa, quyển 55 trong thuyết minh các phiền não giả thật thì nói năm kiến là giả, vì đây là thật. Lại nữa, kinh Duyên Khởi quyển hạ và trong quyển 56 đều vấn đáp rộng để lựa riêng với các pháp khác cho nên gọi là vô minh, Câu-xá văn quyển 10 văn thể cũng đồng. Đây là thông với hiện hành và chủng tử làm thể. Kinh Thập Địa nói vô minh có hai thứ là chủng tử thời và quả thời. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói vô minh có bốn là tùy miên...

Lại nữa, chỉ có phát nghiệp tánh, thông với tám thiện và Vô ký, nhưng phát ba thứ vô minh khác nhau là phước, phi phước và bất động.

2. Như luận Đối Pháp quyển 7 ghi: “Hai là hành chi, lấy ba hạnh thân, ngữ và ý làm thể, tâm pháp tâm sở làm thể, nghĩa là thể của hành là tư”. Ba thứ thân, ngữ và ý này tại cõi Dục gọi là phước và phi phước; thân và ngữ tại cõi sắc, ý cũng thông với Vô sắc gọi là bất động. Đại luận quyển 9 cũng đồng với giải thích này. Chi này cũng thông với hiện hành và chủng tử. Kinh Thập địa nói hành có hai thứ, là như vô minh có chủng tử thời và quả thời, hành cũng như thế, chỉ có tánh thiện và tánh bất thiện.

3. Thức chi, chỉ nắm lấy cận nhân duyên của A-lại-da thức làm thể. Quyển 93 ghi: “Nhân trong thai mẹ do thức làm duyên, tương tục sinh quả, thức tùy chuyển không dứt, tùy trì giữ chỗ có Yết-la-lam, không phải ngoài bảy thức tùy chuyển không dứt mà có thể gìn giữ được”. Đoạn văn dưới của luận kia ghi: “Lại cũng tức là thức này, vị lai sau này có chỗ tùy đuổi theo của chủng tử danh sắc, không phải chỗ tùy

của chủng tử bảy thức còn lại. Luận này lại ghi: “Sở dẫn chi là trong bản thức, cận sinh vị lai quả Dị thực nhiếp năm chủng của các thức”, trong đây thức chủng là nhân của bản thức, cho nên biết thức chi không nắm bảy thức khác.

Hỏi: Nếu như thế tại sao Đại luận cuối quyển 9 lấy sáu thức làm thức chi đã rộng giải thích. Nói rằng thức này trong cõi Dục thì có đủ sáu thức, trong cõi Sắc thì có bốn thức, cõi Vô sắc thì chỉ có một thức?

Đáp: Trong quyển 93 tự có giải thích, nghĩa là hành làm duyên cho nên khiến cho thức chuyển biến. Hiện pháp của thức này chỉ là tánh của nhân, nhiếp thọ sẽ sinh quả của các thức. Phỏng theo tất cả tướng tục làm danh nói thân của sáu thức, đã có giải thích này rồi, cho nên nói sáu thức là ngay trên tất cả thân ngữ của Nhị thừa, vì luận kia không lập có Thức thứ tám. Lại nữa, trong một thân phỏng theo tất cả thức tướng tục là danh thuyết nói sáu thức, thật ra chỉ nắm lấy A-lại-da, vì quả báo chủ. Thuyết cùng với danh sắc lẫn nhau làm duyên, cho đến khi mạng chung cũng hằng tùy chuyển. Đây là chỉ có chủng tử mà không nắm lấy hiện hành.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Đại luận quyển 10 và luận này ghi: “Thai tạng khổ”.

Hỏi: Nếu như thế tại sao Đại luận quyển 9 ghi: “Ba là hành, chỗ huân phát chủng tử sáu thức và chỗ sinh quả thời của chủng tử sáu thức gọi là thức chi”. Các chỗ đều nói hành huân tập đối với thức, thức và danh sắc được lẫn nhau làm duyên thức nhập thai mẹ, không phải chủng tử thời có nghĩa như vậy. Luận Thập Địa ghi: “Như vô minh có chủng tử thời và quả thời, cho đến sinh và lão tử cũng như thế”

Đáp: Luận này phần sau ghi: “Năm chủng tử này tại nhân thời thì không có trước và sau, phỏng theo thuyết trong quả vị đang sinh thì có trước và sau. Hoặc đối với hiện tại là đời quá khứ, vì sinh vị và lão tử này nói là thức chi. Có hiện hành thức nhưng thật ra chỉ có chủng tử, nếu không như thế thì liền trái với quyển 65 nói năm chủng Thai tạng khổ. Luận này trong sở dẫn chi cũng nói năm chủng đó của các thức. Thức đã như ở đây nói danh sắc nhập thai mẹ cho đến nói thọ cũng có hai chủng, nghĩa là cảnh giới thọ là duyên của ái, đều căn cứ theo đây mà biết. Năm thể này đều chỉ có chủng tử cho nên phỏng theo đương sinh vị và đối với sinh vị và lão tử vị mà nói. Nói có hiện hành, thật ra đều không có, đây là chỉ có tánh Vô phú vô ký nhiếp.

4. Danh sắc chi, có hai thứ thể: Tất cả năm uẩn Hữu lậu đều là thể này, thông với Dị thực và Phi dị thực. Như quyển 93 ghi: “Lại nữa, năm



sắc căn, căn y đại chủng, căn xứ đại chủng, chỗ trụ các sắc và các danh khác, đều là danh sắc nhiếp”. Đại luận quyển 9 ghi: “Thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, mười Hữu sắc xứ và pháp xứ sắc đều danh sắc chi”. Luận này phần sau ghi: “Hoặc danh sắc chủng tổng nhiếp năm nhân, trong đó tùy theo thù thắng mà lập, còn lại bốn chủng, lấy chung ba tánh làm thể”. Hoặc căn cứ theo theo luận này và các luận khác thì lấy Dị thực và các tánh khác. Hoặc phỏng theo danh sắc không tạp loạn nhau mà nói chi này, tức là trừ ra pháp chủng của sáu căn, xúc, thọ đều là danh sắc nhiếp. Nói trong sắc uẩn trừ ra căn còn lại sắc, trừ hết thọ uẩn, trừ xúc của hành uẩn, trừ bản thức, ý căn trong thức uẩn, tướng uẩn còn đủ, ba uẩn phần ít làm thể của danh sắc chi. Luận này đoạn sau ghi: “Thức chủng trong đây là nhân của bản thức, trừ ra ba nhân sau, các nhân còn lại đều là danh sắc chủng nhiếp, cho nên hai thể này rộng và hẹp không đồng”. Thể trước tức là bốn uẩn gọi là danh, sắc uẩn gọi là sắc. Giải thích chung khắp như thế, tức là thể tướng lạm tràn, giải thích sau danh sắc năm chủng mỗi mỗi đều riêng có thể có sai biệt và chút ít tương tự phân minh. Nếu không như thế thì vì sao gọi là năm chủng tử? Vì năm thể tức là một danh sắc, đây là chỉ có tánh Dị thực Vô ký cho nên trong tương ứng của Thức thứ tám trừ ra xúc và thọ, trong sáu thức đồng thời lại cũng trừ ra tất cả Dị thực xúc và thọ, các pháp Dị thực sáu thức hiện tại cùng với Dị thực pháp tâm sở chủng của đời quá khứ và đời vị lai, đều là thể này. Lại nữa, quyển 93 ghi: “Câu sinh năm căn, gọi đó là sắc; Vô gián diệt ý, gọi đó là danh”, tức là cùng với sáu xứ không có khác thể. Nhưng nói sáu thức là thức chi, do nói cùng với xứ kia lẫn nhau làm duyên, cho nên thiên nói về sáu căn, không phải thật thể của chi này chỉ có như thế, giải thích trước là thù thắng. Đây là phỏng theo sáu xứ cùng với danh sắc chi một nghĩa không khác thể tánh mà giải thích, không phải tận lý.

5. Sáu xứ chi, tánh Vô phú vô ký chỉ có trong sáu xứ. Đây là chỉ lấy Dị thực chủng kia, tức là năm sắc căn và sáu thức trước. Hoặc có Dị thực ở đời quá khứ nói là ý, đây là phỏng theo một ý hai đời mà phân biệt, tức là nghĩa nói riêng. Nếu không như thế thì trong danh không có thức, đây là phỏng theo nhất thời cùng có năm chủng mà làm luận. Hoặc phỏng theo đương sinh phân vị mà nói, tức là danh sắc chi có đủ năm uẩn. Vị mới sinh trong quá khứ thì thức gọi là ý, cũng nhiếp trong danh, vì chưa gọi là sáu xứ, đây là chỉ có chủng tử. Có xứ cũng nói là hiện hành, như nói trong danh sắc. Dưới đây đến xúc và thọ cứ như thế mà biết.

6. Xúc chi, trừ Thức thứ bảy nắm lấy toàn bộ tương ứng xúc còn lại của Thức thứ tám. Trong sáu thức hoặc là Dị thực xúc với tất cả cũng như vậy, đây là phỏng theo năm chủng đồng thời mà luận. Hoặc theo phần vị để nói thì sau sáu xứ vị chỗ có xúc tâm sở mới là thể này. Đại luận quyển 9 ghi: “Thân của sáu xúc gọi là xúc”.

7. Thọ chi, nên biết chi này cũng đồng như xúc trước, nghĩa của tác dụng và phần vị đều đồng. Nhưng luận nói thọ là ái duyên, phỏng theo sự hiện khởi thọ trong đời vị lai và lão vị của đời hiện tại mà nói, nhưng thể của nó thuộc về sinh chi. Hiện tại thọ chi của luận này chỉ ở tại chủng vị, vì năm luận đều gọi thức là Thai tạng khổ. Quyển 93 ghi: “Vì năm luận này đều chỉ có chủng tử”.

8. Ái chi, chỉ có một pháp thủ ái niệm làm thể. Đại luận quyển 10 phần đầu ghi: “Ái là ái trong ba cõi, cũng thông với hiện hành và chủng tử”. Luận Thập Địa văn sau ghi: “Ái chi cùng với thủ được làm nhân duyên, không phải hiện hành mong hiện thể là nhân duyên”. Chủng tử ái và hiện hành là thể của chi này.

9. Thủ chi, thông với thủ tất cả phiền não. Luận Du-già ghi: “Tất cả phiền não khiến cho sinh tương tục”, tức là thông với chỗ có phiền não trong Kiến đoạn và Tu đoạn khiến cho sinh tương tục. Lại nữa, văn sau ghi: “Chánh chỉ có Tu đoạn, trợ nhuận thông với Kiến đoạn”. Văn trong luận phần nhiều căn cứ theo bốn thủ làm thể, hai gốc tranh cãi giữa tại gia và xuất gia. Bốn thủ lấy ba kiến và tham làm thể. Đại luận quyển 10 và 93 ghi: “Dục thủ tại sao gọi là dục tham? Kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ gọi là ba kiến”. Các vị tại gia lấy dục tham làm đầu mà cùng nhau tranh cãi. Các vị xuất gia lấy ba kiến làm đầu mà hưng khởi tranh cãi, cho nên ba đoạn văn bốn thủ thể trong quyển thượng và hạ của luận Du-già không đồng. Một là chỉ nắm lấy bốn thủ làm thể của bốn thủ. Hai là duyên tham của bốn thủ làm thể của bốn thủ. Ba là hoặc năng thủ, hoặc sở thủ, hoặc sở vi thủ, đều là thể của bốn thủ. Hiện tại luận này hợp chung các thủ, chỗ nói nghĩa riêng, do đó không có vấn nạn điều hại. So sánh với Biệt sao.

Hỏi: Nếu như thế tại sao kinh Thập Địa ghi: “Ái tăng trưởng gọi là thủ?”

Đáp: Dưới đây sẽ tự nói. Tuy trong thủ chi nhiếp các phiền não, nhưng thọ nhuận thù thắng mà nói là ái tăng trưởng, không phải không có hoặc khác, đây là thông với chủng tử và hiện hành. Kinh Thập Địa nói như đã dẫn chứng trong ái.

10. Hữu chi, tức là nắm lấy hiện hành trước và chủng tử của năm

quả là ái và thủ thắm nhuận rồi chuyển tên là hữu. Quyển 93 ghi: “Ái thủ hòa hợp thắm nhuận trước dẫn nhân chuyển tên là hữu, là chỗ nhiếp của nhân đang sinh khởi”. Đây là có hoặc chỉ có nói nghiệp, văn sau sẽ tự hiểu. Từ trên đến đây giải thích chỉ có chủng tử, do chủng tử của sáu pháp trước chuyển tên là hữu.

11. Sinh chi, tức là hiện hành của năm quả, lấy Dị thực của năm uẩn làm thể.

12. Lão tử chi, cũng như thế. Nhưng lão tử tức là sự biến diệt của năm uẩn trước, nhưng hai tên sinh và lão tử là đối với năm uẩn mà giả lập tên, tức là Bất tương ứng hành uẩn. Hiện tại ở đây nắm lấy thật thể cũng là năm uẩn trước, ở đây không nắm lấy chủng tử vì chỉ có dẫn quả. Chủng tức là năm chủng chi trước, hoặc phỏng theo phần vị chưa nhuần trở về trước mà gọi là thức... năm chủng. Phần vị nhuận khắp trở đi đã có quả khởi gọi là sinh và lão tử cũng thông với chủng tử, không có ngăn ngại. Kinh Duyên Khởi ghi: “Sinh và dẫn đồng thời, tức là tuy nhuận khắp tổng chuyển tên là hữu, mà thức sinh quả vẫn gọi là dẫn, chỉ có nắm lấy hiện hành”, đến sau sẽ rõ. Sư Tát-bà-đa mỗi mỗi đều lấy năm uẩn làm tánh, như Câu-xá quyển 9, Bà-sa quyển 22, quyển 23 giải thích.

Môn thứ hai thuyết minh, chung, riêng, tên gọi, nghĩa được tên của chi. Phần đầu giải thích tên gọi chung:

Duyên khởi của danh này cũng gọi là duyên sinh. Quyển 56 ghi: “Không có chủ thể, thọ giả và tác giả. Không có tự tác dụng, không đắc tự tại, theo nhân mà sinh, nương gá nhiều duyên mà chuyển, vốn không mà hữu, hữu đã tan mất thì chỉ có chỗ hiển của pháp, năng nhuận và sở nhuận tùy theo pháp tương tục mà gọi là duyên sinh”. Đại luận quyển 10 ghi: “Do phiền não trói buộc, niệm niệm sinh khởi sinh vào các nẻo, cho nên gọi là Duyên khởi”. Đây là giải thích tên của chữ “y”. Lại nữa, giải thích là chữ y duyên và chữ khởi tức là giải thích tên này. Chỉ có mười hai chi Hữu lậu được danh này. Lại nữa, nương gá nhiều duyên mà mau chóng tàn diệt, dựa và sát-na giải thích thông với tất cả pháp. Lại nữa, nhiều duyên quá khứ mà không xả, đây là nương vào nghĩa mà giải thích tên. Hiện tại luận đây y theo giải thích này. Lại nữa, cho đến đối với đời quá khứ giác duyên tánh rồi đồng với tương tục mà khởi. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giác ngộ rồi, đến lúc phải nói”. Triển chuyển truyền nói lại cho nên gọi là Duyên khởi. Giải thích này cũng được. Hợp chung có năm giải thích, không thể phiền dẫn ra hết. Quyển 56 ghi: “Nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sinh” nghĩa là vô minh tùy

miên này không đoạn hữu cho nên vô minh đó trời buộc hữu, hữu này trời buộc sinh cho nên các hành chuyển kia như vậy cho đến lão tử cũng như thế. Nhưng trong năm chủng quả, lấy quả trước và quả sau mong nhau làm nhân duyên. Khi làm nhân thì không phải quả, khi làm quả thì không phải nhân, vì căn cứ theo nghĩa riêng khác. Tự ý trong Câu-xá luận của Thế Thân đồng với đây, cũng được tên riêng. Kinh Duyên Khởi ghi: “Các phần như vậy mỗi mỗi đều do tự duyên hòa hợp, không thiếu sự tương tục mà khởi gọi là nghĩa của duyên khởi”. Giải thích tên chung đã xong, tiếp theo phân rõ tên riêng.

Danh nghĩa được tên, là nói vô minh không phải thuộc về Lục thích, vì không có nghĩa thể riêng đáng làm Lục thích. Ban đầu là lia vô và thuyết minh giải thích riêng, sau đó hợp chung lại tổng giải thích, cho nên gọi là ly hợp. Cự dịch nói: “Lục thích là vậy”, nghĩa là Lục thích nương vào hai pháp để lựa riêng ly hợp mới có thể giải thích. Không giống như nhân, tuy có hai chữ gọi là Chước-sô, nhưng thể một pháp không thể lựa riêng dụng với Lục thích này. Lục thích không giải thích khắp các pháp, như Biệt sao giải thích: “Hành, là ngay nơi thể mà hiển rõ danh, tạo tác là nghĩa của hành, cũng có công năng được xứng với liễu biệt gọi là thức. Xúc cảnh gọi là xúc, lãnh nạp gọi là thọ, đam nhiễm gọi là ái, truy dục gọi là thủ, hữu quả gọi là hữu, uẩn khởi gọi là sinh”. Kinh Thắng Man, kinh Duyên Khởi, luận Du-già cũng có giải thích riêng đều đồng với hành, không thể dẫn riêng. Nói danh sắc là Tương vi thích, là danh đó cùng với thể của sắc mỗi mỗi đều khác, như nói năng lập và năng phá. Quyển 56 ghi: “Hỏi: Tại sao bốn Vô sắc uẩn gọi là danh? Đáp: Thuận theo các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, hoặc nương ngôn thuyết danh phân biệt các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, cho nên nói là danh. Hỏi: Tại sao sắc uẩn gọi là sắc? Đáp: Đối với các nơi chỗ kia, nghĩa gieo trồng tăng trưởng và nghĩa biến ngại do đó nói là sắc. Biến ngại có hai thứ cho đến nói rộng. Đã mỗi mỗi đều hiển rõ thể riêng cho nên là Tương vi thích, không phải danh thể tức là sắc, không phải sắc nương vào danh, vì sắc là sở hữu của danh. Sáu xứ là Đới số thích, xứ là nghĩa sinh trưởng môn, thể loại bất đồng có sáu chủng, ở đây có liên đới chữ “sáu” cho nên là Đới số thích. Lão tử là nghĩa biến dị, là nghĩa lão. Diệt không có nghĩa là tử, nghĩa trước là tướng khác, nghĩa sau diệt tướng, mỗi mỗi đều có chỗ tiêu biểu đã giống như danh sắc, cho nên là Tương vi thích. Không nói tướng khác mà nói lão là hủy bỏ hỏi vận chữ “danh”, cũng là Tương vi thích, vì lão tử khác nhau.

Môn thứ ba: Nguyên nhân thứ tự. Đại luận quyển 10 có ba chữ

“lại nữa” để giải thích:

Thứ nhất nói: Những người si chủ yếu trước hết ngu đối với các sự đáng nên biết mới khởi tà hạnh, vì khởi tà hạnh cho nên khiến tâm điên đảo, vì tâm điên đảo cho nên kết sinh tương tục, vì sinh tương tục cho nên các căn viên mãn, vì căn viên mãn cho nên thọ dụng cảnh, vì thọ dụng cảnh cho nên đam nhiễm mong cầu, vì đam nhiễm mong cầu cho nên phiền não được nuôi lớn, phiền não được nuôi lớn cho nên phát hậu hữu nghiệp, nghiệp được thấm nhuần cho nên quả năm nẻo sinh, sinh đã biến hoại thì lão tử sinh khởi, cho nên mười hai chi thứ lớp như vậy. Đây là phỏng theo năm quả đang sinh khởi làm nhân thứ lớp.

Thứ hai nói: Phỏng theo nhân duyên kiến lập mười hai hữu chi, trong sáu chi trước là nội thân duyên lập:

**I. Hữu tình ưa xuất thế giảm duyên khởi tăng thêm bạch pháp.**

**II. Hữu tình ưa thế gian lập sáu chi trước.**

**III. Hữu tình ưa chấp cảnh giới lập sáu chi sau:** Như luận kia giải thích rộng, cho nên mười hai chi thứ lớp như vậy. Hai pháp này cũng phỏng theo quả vị đang sinh mà nói thứ lớp của nhân, vì khi năm nhân chi của thức huân tập thì không có thứ lớp. Kinh Duyên Khởi ghi: “Trong một thời mà khởi thứ lớp tuyên thuyết”.

Hỏi: Nếu như thế tại sao trong tịnh duyên khởi thì trước hết quán lão tử và nghịch quán duyên khởi?

Đáp: Y theo đạo lý trước sau của đế mà lập, như các xứ khác nói. Nhiệm trong đây là nương vào lân cận thứ lớp nhân quả hai đời mà nói. Cách qua một thân hoặc nhiều thân mà nói, tức là bất định. Tư thì cũng căn cứ theo đây mà biết, sau đây cũng phân rõ sơ lược.

**IV. Nghiệp dụng chung riêng:** Nghĩa là nghiệp dụng này có thể khiến cho hữu tình sinh tử lưu chuyển. Thể của sinh tử là sinh và lão tử. Mười chi trước có thể khiến cho sinh chuyển, đó là nghiệp chung dụng. Nghiệp riêng dụng, luận Đối Pháp ghi: “Vô minh có hai nghiệp: một là khiến cho hữu tình có ngu si, vì do vô minh che lấp cho nên đối với ba đời không hiểu rõ như thật mà khởi nghi quá khứ và vị lai. Hai là cùng với hành làm duyên, nói rằng do sức của vô minh khiến cho hậu hữu nghiệp được tăng trưởng”.

Kinh Thập Địa ghi: “Vô minh có hai đoạn: một là si trong duyên khiến cho chúng sinh hoặc, tức là trước đối với hữu sở trí cảnh không hiểu rõ cho nên nghi ngờ. Hai là cùng với hành làm nhân”. Đồng với luận Đối Pháp trước, ngoài ra cho đến lão tử, luận Đối Pháp phần hai nghiệp ghi: “Một là khiến cho thời phân của hữu tình biến dị, hoại có

chút ít thịnh. Hai là khiến cho thọ mạng của hữu tình biến dị hoại mạng căn”. Kinh Thập Địa ghi: “Lão có hai đoạn: một khiến cho các căn thuần thực, hai cùng với tử làm nhân. Tử có hai đoạn: một là hoại thân năm Ấm; hai là vì không thấy biết cho nên khiến cho tương tục không đoạn”. Nhưng luận Đối Pháp thì hợp chung lại làm pháp, luận Thập Địa thì khai mở ra.

Lại nữa, luận Đối Pháp phỏng theo lão tử không có nghĩa của quả cuối cùng, luận Thập Địa thì phỏng theo tử có quả mà làm luận, cho nên vì không có tri kiến mà tương tục không đoạn. Lại nữa, vì mười hai chi trước luận Thập Địa quyển thượng hạ đều đồng luận này, văn tuy khác chút ít, ý nghĩa đại khái đồng, không phiền dẫn ra.

Hỏi: Lại như phước nghiệp và bất động nghiệp trong hành lấy lực chánh giản trạch mà khởi, tại sao vẫn nói lấy vô minh làm duyên?

Đáp: Luận Du-già quyển 10 ghi: “Do không biết rõ thế tục khổ cho nên khởi phi phước hạnh. Do không hiểu suốt thắng nghĩa khổ cho nên khởi phước hạnh và bất động hạnh”. Kinh Duyên Khởi cũng ghi: “Lại nữa, vì vô tri cho nên đối với phi đối trị mà khởi đối trị tưởng, tạo các phước hạnh hoặc bất động hạnh, cho nên lấy vô minh làm nhân sinh phước hạnh và bất động hạnh. Thế tục thắng nghĩa khổ, không phải là khổ khổ và hoại khổ gọi là thế tục, hành khổ gọi là Thắng nghĩa. Nếu như thế thì sắc và Vô sắc không có hoại khổ, hoặc cũng là mê thì kia lẽ nào chỉ phát khởi phi phước hạnh! Chỉ có thể tổng nói thế tục gọi là dị liễu tri gọi là thế tục khổ, tức là khổ ba đường, vì người kia không hiểu rõ cho nên tạo phi phước hạnh. Nan liễu tri gọi là Thắng nghĩa khổ, tức là nẻo thiện trời người. Thế của Thắng nghĩa đạo lý đều là khổ, thế tục khó hiểu cho là thiện thắng, vì mê đạo lý đó cho nên tạo phước hạnh và bất động hạnh. Như vậy cũng có hoại khổ, gọi là Thắng nghĩa khổ. Không thể phân nhất định là ba khổ phân ra. Như luận Đối Pháp quyển 7, Đại luận quyển 10, luận Hiển Dương phẩm Phá Khổ và Biệt sao nói.

Hỏi: Như kinh nói các nghiệp lấy tham, sân, si làm duyên, tại sao chỉ nói si?

Đáp: Trong đây nói chung phước, phi phước và bất động. Tham sân si duyên chỉ có sinh phi phước.

Hỏi: Chỗ phát khởi của tư trong hai nghiệp của thân và ngữ, nhưng hành cũng duyên hành, tại sao chỉ nói vô minh làm duyên?

Đáp: Y theo duyên phát tất cả hạnh mà nói, y theo tư duyên sinh thiện và nhiễm mà nói thì hành này như vậy, đã có hỏi và đáp rồi. Cho

đến lão tử hỏi đáp đều như thế, như Đại luận quyển 10 mỗi mỗi đều nói rộng, không thể phiên dẫn ra. Trong đây lại nói lân cận vô minh cùng với hành làm duyên, hoặc cách qua một chi hai chi làm duyên cho đến lão tử cũng như thế. Nhưng chi sau không phải duyên của chi trước, không phải làm cho đoạn chi trước mà tu chi sau, chỉ làm cho đoạn chi sau mà tu phát sinh chi trước.

**V. Nhân quả sai biệt.** Nhân quả này có năm thứ:

1. Đẳng khởi nhân quả, là các chi trước trước làm nhân, các chi sau sau làm quả. Trong mười hai chi, vô minh chỉ có nhân, lão tử chỉ có quả, còn lại thì cũng là nhân cũng là quả. Vô minh không có chỗ từng theo, lão tử thì không có chỗ khởi. Đây là phỏng theo trong mười hai phân biệt, cho nên quyển 10 ghi: “Một chi đầu chỉ có nhân, một chi sau chỉ có quả”.

2. Bốn mặt nhân quả. Vô minh, ái, thủ, ba thể này là phiền não, nghiệp khổ là gốc cho nên chỉ là nhân. Hai chi sinh và lão tử chỉ là quả thể, chỉ là khổ, quả của hoặc nghiệp, quả của năm chủng, các chi còn lại thì cũng là nhân cũng là quả, là quả của phiền não, là nhân của sinh và lão tử. Quyển 10 ghi: “Ba chi chỉ là nhân, hai chi chỉ là quả, các chi còn lại thì thông với nhân và quả. Lại nữa, sinh và lão tử chỉ có quả, vì là ngọn. Sáu chi trước cùng với ba chi ái, thủ, hữu là nhân, vì là gốc. Thọ thông với nhân quả, thông với gốc và ngọn”. Quyển 10 ghi: “Sáu chi trước cùng với ba chi ái, thủ, hữu là nhân phần, hai chi sau làm quả phần. Thọ thông với hai chủng”. Phần này có hai thứ, rộng như luận kia nói.

3. Dị thực nhân quả và phi Dị thực nhân quả, tức là thức... năm chủng và bảy pháp của sinh, lão tử là quả. Thức... năm chủng mong sinh và lão tử, tuy là khổ nhân, nhưng đối với hiện hành thì năm chủng cũng nói là hiện hành, tức là trong sinh vị và lão tử vị mà nói. Bảy pháp là quả Dị thực pháp cho nên cũng là chánh quả thể, ngoài ra năm chủng là nhân không phải Dị thực. Quyển 56 ghi: “Lại nữa, chỗ nhiếp của đời hiện tại quả là năm chi, và chỗ nhiếp của vị lai quả là hai chi, gọi chung là chỗ nhiếp Duyên khởi của quả, nên biết các chi còn lại là chỗ nhiếp Duyên khởi của nhân, cho nên luận Trung Biên quyển thượng ghi: “Có nhân tạp nhiễm và quả tạp nhiễm. Nhân tạp nhiễm là phiền não nghiệp phần, quả tạp nhiễm là các phần khác”.

4. Chi đã thực và chưa thực nhân quả. Bảy chi trước là nhân cũng chưa thực; năm chi sau là quả, cũng đã thực, nghĩa là vô minh thực thì trở thành ái và thủ, vì ái và thủ là vô minh trước tăng trưởng. Hữu là

sáu pháp thực của hành, hai chi sinh và lão tử là chánh thực thời. Thực là thực biến; đối với nhân thời có năng dẫn và sở dẫn; đối với quả thời, có năng sinh và sở sinh, có giải thích như vậy. Ái, thủ và hữu là ba chi lân cận quả cho nên gọi đó là quả. Nếu như thế thì chánh sinh quả, tức là thức... năm chủng đáng lẽ cũng gọi là quả. Giải thích trước là thù thắng.

5. Chánh thực, phi chánh thực nhân quả, tức là mười chi trước là nhân, hai chi sau là quả. Hai chi sinh và lão tử là chánh thực. Đại luận quyển 9 và quyển 10 đều ghi: “Năng dẫn và sở dẫn đều là dẫn nhân, dẫn hai chủng quả của sinh và lão tử”. Năng sinh là sinh nhân, vì do cận sinh sinh khởi. Hai chi sinh và lão tử là hai nhân quả, cho nên là thể của Chánh thực quả, tức là văn dưới của luận này nói mười nhân và hai quả. Hoặc phỏng theo đương sinh vị của năm quả mà nói tuy cũng là quả, nhưng hiện tại thuyết minh phân định thể bất thủ thì mười hai chi nhân quả trong đây mong lẫn nhau càng không có tăng giảm. Vô minh mong tự chủng tuy thành nhân quả, không phải chỗ thuyết minh ở đây, vì tự chi của nó nhiếp.

Sơ lược năm môn này nhiếp các kinh luận làm nghĩa của nhân quả thì càng không có tăng giảm.

#### ***VI. Chi lẫn nhau làm duyên bốn câu lậu giảm.***

Hỏi: Nếu pháp mà vô minh duyên đó là hành, hoặc là hành mà vô minh làm duyên phải không?

Đáp: Phải tạo bốn câu: câu thứ nhất là Vô lậu, Vô Phú vô ký hành; câu thứ hai là trừ hành ra, còn lại các chi khác; câu thứ ba là hành chi; câu thứ tư là Vô lậu thức. Như vậy cho đến thọ mong ái là bốn câu: câu thứ nhất là mong cầu giải thoát, y theo thiện ái mà xả các ái khác; câu thứ hai là chỗ sinh thị do vô minh xúc làm duyên, sinh trừ ái ra, còn lại các hữu chi khác; câu thứ ba là ái chi; câu thứ tư là khả tri, ái mong thủ làm thuận, câu đáp sau.

Nói thủ đều là thọ làm duyên, có ái làm duyên thì không phải thủ. Nói trừ thủ ra còn lại các chi khác, như vậy cho đến sinh mong lão tử đều thuận với câu đáp sau. Hoặc sinh là duyên không phải lão tử, là tật bệnh, oán tắng hội khổ... còn lại có thể biết. Như vậy mỗi mỗi đều như Đại luận quyển 10 giải thích rộng. Lấy sáu môn trên, tuy luận này có thể tánh môn thứ nhất, nhưng vì bốn nghĩa của năng dẫn nhiếp, văn thế thì lâu dài, nghĩa lý thì tản rộng, e rằng người học khó hiểu, cho nên trong luận này riêng tóm lược nêu ra thể. Chỗ thuyết minh về xứ của luận, gọi là năng dẫn, đến sau sẽ giải thích.